VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ MINH TIẾN

TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG DO NGUỒN NGUY HIỂM CAO ĐỘ GÂY RA THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số : 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN AM HIỂU

Hà Nội, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tác giả luận văn

VŨ MINH TIẾN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG DO NGUỒN NGUY HIỂM CAO ĐỘ GÂY RA 8

1.1. Khái niệm 8

1.2. Cơ sở pháp lý xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra 15

1.3. Sơ lược lịch sử pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra ở Việt Nam 19

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG DO NGUỒN NGUY HIỂM CAO ĐỘ GÂY RA…… 30

2.1. Trách nhiệm bồi thường do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra 30

2.2. Lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra…… 40

2.3. Mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động gây thiệt hại và thiệt hại xảy ra . 42

2.5. Chủ thể bồi thường thiệt hại..... 44

2.3. Những trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra….. 48

Chương 3: THỰC TIỄN THI HÀNH VÀ KIẾN NGHỊ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG DO NGUỒN NGUY HIỂM CAO ĐỘ GÂY RA .. 52

3.1. Thực tiễn giải quyết của cơ quan có thẩm quyền 52

3.2. Một số hạn chế của pháp luật về chế định bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra 59

3.3. Kiến nghị phương hướng hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra 62
3.4. Một số kiến nghị liên quan đến thi hành 66
KẾT LUẬN 69
DANH MỤC TÀI LỆU THAM KHẢO 71

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xã hội ngày càng phát triển, con người càng văn minh, nền khoa học kỹ thuật, công nghệ ngày càng phát triển hiện đại, nhưng đồng thời nó cũng kéo theo không ít những bất cập, những mặt trái như những tai nạn mang tính khách quan nằm ngoài sự chi phối của con người tiềm ẩn nguy cơ cao đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, tài sản…của các chủ thể trong xã hội. Những thiết bị hiện đại như máy móc, xe cộ, dây truyền sản xuất, hệ thống điện…bản thân nó mang rất nhiều tính hữu ích cho con người và xã hội, nhưng cũng tiềm ẩn không ít khả năng gây nguy hại cho môi trường xung quanh và con người. Mặc dù con người đã luôn cố gắng kiểm soát, điều khiển nó một cách an toàn nhất, nhưng những thiệt hại khách quan không tính trước được nằm ngoài tầm kiểm soát của con người vẫn luôn xảy ra. Do đó khoa học pháp lý và Bộ luật Dân sự có áp dụng thuật ngữ ***"Nguồn nguy hiểm cao độ"*** để chỉ ra và làm rõ những trường hợp cụ thể mà luật áp dụng trong trường hợp này.

"Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra" là một chế định vô cùng quan trọng của pháp luật dân sự Việt Nam, vì hậu quả do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra vô cùng nặng nề, khó khắc phục hoặc không thể khắc phục được, trong nhiều trường hợp phạm vi ảnh hưởng về sự nguy hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra rất lớn, chi phí khắc phục thiệt hại quá tốn kém. Vì vậy, chế định này là buộc những chủ thể có hành vi gây thiệt hại phải bồi thường những thiệt hại do mình đã gây ra. Chế định này là một dạng cụ thể của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nhưng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra có đặc trưng riêng đó là: chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra ngay cả khi chứng minh được mình không có lỗi trong việc xảy ra thiệt hại.

Mặc dù có ý nghĩa vô cùng quan trọng như vậy, nhưng tại điều 601 Bộ luật Dân sự 2015 và điều 623 Bộ luật Dân sự 2005 cũng chưa xây dựng được khái niệm cụ thể và rõ ràng về nguồn nguy hiểm cao độ cũng như những điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Gần đây, dưới sự phát triển không ngừng của xã hội, của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ giới hóa, số lượng những vật được coi là nguồn nguy hiểm cao độ ngày càng gia tăng, kéo theo sự gia tăng không nhỏ về số lượng những vụ tai nạn do những vật này gây lên. Điều này đã và đang gây khó khăn cho các nhà nghiên cứu cũng như những người áp dụng pháp luật trong việc giải quyết bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc giải quyết những vụ việc về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra trong nhiều trường hợp vẫn chưa thực sự thoả đáng, gây bức xúc trong dư luận, dẫn đến nhiều trường hợp khiếu nại, khiếu kiện kéo dài gây tốn kém về thời gian, kinh tế cho nhân dân và nhà nước.

Do vậy, việc cần thiết phải nghiên cứu, phân tích và làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của những căn cứ pháp lý xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra một trong những nhu cầu cấp bách trong khoa học pháp lý Dân sự ở Việt Nam hiện nay. Với tính chất cấp bách và quan trọng như vậy, cho nên việc chọn đề tài "Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra theo pháp luật Việt Nam" làm đề tài luận văn thạc sỹ Luật học là đảm bảo tính cấp thiết và tính thời sự của việc nghiên cứu đề tài.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Đã có rất nhiều bài viết trên các tạp chí khoa học phân tích, bình luận về đề tài này. Tiêu biểu có thể kể đến bài viết: *"Chủ thể của trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra",* tác giả Lưu Tiến Dũng, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 9/1991; *"Chủ thể trách nhiệm dân sự do nguồn nguy hiểm*

cao độ gây ra", tác giả Nguyễn Đức Thành, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 8/1998; *"Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra theo Điều 627 BLDS"*, tác giả Đặng Văn Dùng, Tạp chí Tòa án nhân dân số 10/1998; *"Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra"* tác giả Nguyễn Thanh Lành, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 8/2002; *"Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra"* tác giả Mai Bộ, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2/2003; *"Tìm hiểu về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra"*, tác giả Lê Phước Ngưỡng, Tạp chí Kiểm sát, số 1/2005; *"Bổ sung khái niệm về nguồn nguy hiểm cao độ"*, tác giả Nguyễn Xuân Đang, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 4/2005.

Không chỉ dừng lại ở các bài viết, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra cũng đã được nghiên cứu đề cập trong một số công trình nghiên cứu với đề tài *"Những vấn đề cơ bản về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong Bộ luật dân sự"* của tác giả Lê Mai Anh; Đề tài *"Lỗi trong trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"* của Thạc sỹ Bùi Thị Thủy Chung... Trong các giáo trình giảng dạy luật học tại các cơ sở đào tạo luật học ở nước ta những năm qua cũng có nhiều phân tích về trách nhiệm này như: Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam của trường Đại học Luật Hà Nội... Một số sách chuyên khảo cũng đã đề cập đến vấn đề này như: *"Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản, sức khoẻ và tính mạng"* của Tiến sỹ Phùng Trung Tập; Gần đây nhất có Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường *"Trách nhiệm dân sự do tài sản gây thiệt hại - Vấn đề lý luận và thực tiễn"* của Trường Đại học Luật Hà Nội (năm 2009). Những bài viết, những công trình khoa học trên ở những góc độ khác nhau đã có những ý kiến phân tích, bình luận về khái niệm, điều kiện làm phát sinh trách nhiệm cũng như những chủ thể phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, những bài viết hoặc mới chỉ đề cập ở dạng chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây

ra hoặc có phân tích chi tiết nhưng mới chỉ tập trung vào một số khía cạnh của trách nhiệm như: chủ thể, điều kiện... mà chưa đưa ra được những điểm đặc thù của loại trách nhiệm đặc biệt này. Một số những bài viết được viết trước khi Bộ luật dân sự (1995) được ban hành, một số những bài viết khác có phân tích bình luận song lại trên cơ sở của Bộ luật dân sự 1995 và những văn bản hướng dẫn thi hành của Bộ luật này. Trong hai công trình gần đây nhất là sách chuyên khảo của Tiến sỹ Phùng Trung Tập: *"Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản, sức khoẻ và tính mạng"* và Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường *"Trách nhiệm dân sự do tài sản gây thiệt hại- Vấn đề lý luận và thực tiễn"* của Trường Đại học Luật Hà Nội (năm 2009). Tác giả của hai công trình đã có những kiến giải sâu sắc về bản chất cũng như điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Tuy nhiên, đó chỉ là một phần nhỏ trong cả một nội dung lớn, nên các yếu tố khác của trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra cũng chưa được phân tích đầy đủ trong hai công trình này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là dựa trên cơ sở lý luận để nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; tìm hiểu thực tiễn áp dụng luật định để giải quyết các tranh chấp về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra trong hoạt động xét xử của Tòa án; qua đó tìm ra những bất cập, thiếu sót của luật thực định, để nêu ra phương hướng hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra nói riêng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung. Đồng thời làm rõ về mặt lý luận, nội dung của pháp luật Việt Nam về chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Qua đó, tác giả mong muốn góp một phần về cái nhìn tổng thể, toàn diện khi nghiên cứu cũng như khi giải quyết các tranh chấp về bồi thường thiệt

hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Tác giả đã khái quát, phân tích, làm rõ các quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra theo quy định của pháp luật Việt Nam cũng như sơ lược sự phát triển của chế định này qua các thời kì.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, xây dựng khái niệm khoa học về nguồn nguy hiểm cao độ, khái niệm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, phân tích đặc điểm của trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Nghiên cứu, phân tích các quy định hiện hành về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, trên cơ sở đó tìm ra những điểm bất cập, hạn chế làm cơ sở cho phương hướng hoàn thiện về quy định này. Đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra nói riêng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Phạm vi đề tài này, Tác giả tập trung nghiên cứu những quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và Bộ luật Dân sự 2005 và những văn bản có liên quan như: Luật Giao thông đường bộ, Luật Giao thông đường thủy, Bộ luật Hàng hải…để làm rõ khái niệm, đặc điểm, điều kiện phát sinh, cách xác định thiệt hại, chủ thể phải bồi thường cũng như được bồi thường trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Chỉ ra những điểm hợp lý cũng như chưa hợp lý khi áp dụng các quy định của pháp luật về vấn đề này, qua đó đề xuất một số kiến nghị nhằm tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực thi pháp luật dân sự về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, từ đó góp phần làm hoàn thiện hơn về khoa học luật trong lĩnh vực bồi thường thiệt

hại ngoài hợp đồng nói chung và bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra nói riêng.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở phương pháp luận của việc nghiên cứu và hoàn thành luận văn dựa trên cơ sở lý luận của học thuyết Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để tìm ra mối quan hệ biện chứng giữa pháp luật và thực tiễn đời sống xã hội, ngoài ra còn sử dụng phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê để tìm ra mối liên hệ giữa các hiện tượng để đánh giá các vấn đề nghiên cứu một cách khoa học. Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng một số vụ án, vụ việc, của các ngành liên quan trên thực tế nhằm minh họa cho những nhận định, đánh giá của đề tài luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn đưa ra khái niệm khoa học về nguồn nguy hiểm cao độ, khái niệm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Ngoài ra luận văn còn phân tích được đặc điểm và điều kiện làm phát sinh trách nhiệm, qua đó đưa ra cơ sở để xác định thiệt hại. Luận văn còn hệ thống hóa những quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, đồng thời nêu ra những bất cập trong quy định của pháp luật hiện hành về chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Qua đó đề xuất phương hướng và những kiến nghị nhằm khắc phục và hoàn thiện quy định pháp luật về chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra nói riêng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

Chương 2: Thực trạng pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

Chương 3: Thực tiễn thi hành và kiến nghị phương hướng hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG DO NGUỒN NGUY HIỂM CAO ĐỘ GÂY RA

1.1. Khái niệm

1.1.1 Khái niệm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Theo qui định của pháp luật Việt Nam hiện hành thì căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại được qui định tại Khoản 1, Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015, *"Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác."* [3, tr. 239]

Như vậy, trong cuộc sống hàng ngày mỗi cá nhân đều được pháp luật tôn trọng và bảo vệ về mặt nhân quyền nhưng họ cũng phải tôn trọng quy tắc chung về mặt pháp luật cũng như quy tắc chung của xã hội, không thể vì lợi ích riêng của cá nhân mình mà làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của người khác. Khi một người có hành vi vi phạm pháp luật gây tổn hại đến người khác thì người đó phải chịu trách nhiệm bù đắp tổn thất cho người khác, do đó được hiểu là "Bồi thường thiệt hại".

Do đó, có thể hiểu trách nhiệm bồi thường thiệt hại là một loại trách nhiệm về dân sự mà theo đó khi một người có hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây tổn hại cho người khác thì phải có trách nhiệm bồi thường những thiệt hại do mình gây ra.

Đặc điểm: Là một loại trách nhiệm pháp lý dân sự áp dụng đối với người có hành vi vi phạm nghĩa vụ, đặc điểm chính của nó là sự bất lợi cho người bị áp dụng, và nếu người bị áp dụng không tự nguyện thực thi thì hậu quả là việc cưỡng chế thi hành của cơ quan có thẩm quyền.

Cơ sở pháp lý: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại là một loại trách nhiệm Dân sự và chịu sự điều chỉnh của pháp luật Dân sự. Khi một người có hành vi gây ra tổn thất cho người khác thì họ phải bồi thường thiệt hại và mối quan hệ này được pháp luật Dân sự điều chỉnh.

Điều kiện phát sinh: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại chỉ thỏa mãn khi có những điều kiện nhất định như: có thiệt hại xảy ra; có hành vi vi phạm nghĩa vụ dân sự; có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại và thiệt hại xảy ra, (trong đó hành vi có thể có lỗi, có thể không có lỗi).

Hậu quả: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại luôn mang đến hậu quả bất lợi về tài sản cho người gây thiệt hại. Khi một người có hành vi gây thiệt hại cho người khác thì thiệt hại đó được tính toán rõ ràng, cụ thể nếu không sẽ không thực hiện được việc bồi thường, vì thế cho dù thiệt hại là tinh thần hay vật chất thì thiệt hại đó cũng được pháp luật qui định cụ thể để bù đắp tổn thất cho người bị thiệt hại. Vì vậy, việc thực hiện trách nhiệm bồi thường sẽ giúp khôi phục một phần hay toàn bộ thiệt hại đã xảy ra cho người bị thiệt hại.

Chủ thể bị áp dụng: Là người trực tiếp có hành vi gây thiệt hại; là cha, là mẹ người chưa thành niên gây thiệt hại, là người giám hộ, là pháp nhân của người của pháp nhân gây thiệt hại…

1.1.2 Khái niệm nguồn nguy hiểm cao độ

“ Nguồn nguy hiểm cao độ bao gồm phương tiện giao thông vận tải cơ giới, hệ thống tải điện, nhà máy công nghiệp đang hoạt động, vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, thú dữ và các nguồn nguy hiểm cao độ khác do pháp luật quy định” Khoản 1, Điều 601 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự 2005. [3, tr. 247] [2, tr. 264]

Theo quy định trên được hiểu theo lẽ thông thường thì đó là những đối tượng được coi là nguồn nguy hiểm cao độ, nhưng qua đó ta cũng có thể hiểu “Nguồn nguy hiểm cao độ là những vật chất nhất định do pháp luật quy định

luôn tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại cho con người, con người không thể kiểm soát được một cách toàn diện"

Qua đó, ta thấy theo quy định nêu trên của pháp luật dân sự Việt Nam, thì chưa có một khái niệm chính thống về nguồn nguy hiểm cao độ mà chỉ diễn đạt mang tính liệt kê, theo đó ta hiểu một cách khái quát: "Nguồn nguy hiểm cao độ là những đối tượng mà khi sử dụng, bảo quản, cất giữ, trông coi luôn tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao độ đối với tài sản, sức khỏe và tính mạng của con người".

Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 8/7/2006 của Tòa án ND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định bộ luật dân sự 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng xác định:*"Để xác định nguồn nguy hiểm cao độ cần căn cứ vào khoản 1 điều 623 Bộ luật dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan…"* [22, tr. 9]

Để xác định thế nào là nguồn nguy hiểm cao độ thì cần làm rõ khái niệm được liệt kê trong quy định gồm: "*Phương tiện vận tải cơ giới, hệ thống tải điện, nhà máy công nghiệp đang hoạt động, vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, thú dữ và các nguồn nguy hiểm cao độ khác".* Về phương tiện vận tải cơ giới. Hiểu trên tinh thần tại khoản 1 điều 601 Bộ luật Dân sự 2015 thì phương tiện vận tải cơ giới gồm phương tiện vận tải hoạt động trên đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không, được trang bị hoạt động bằng máy móc.

Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ: "*Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (xe cơ giới) gồm: xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô; ..."* Điều 3 luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định tại khoản 1.

Phương tiện giao thông cơ giới đường thủy: "*Phương tiện thủy nội địa (phương tiện) là tàu;…."* Khoản 7 Điều 3 luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Điều 11 Luật Hàng hải 2005 thì quy định *"tàu biển là tàu hoặc cấu trúc nổi di động khác chuyên hoạt động trên biển"*

Phương tiện giao thông đường sắt: "*Phương tiện vận tải đường sắt gồm có đầu máy, toa xe động lực,....*" Điều 3 luật Đường sắt 2005 khoản 2.

Phương tiện vận tải đường không: "*Tàu bay là thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí bao gồm: máy báy; trực thăng;.....*" Luật Hàng không dân dụng Việt Nam 2006 khoản 1 Điều 13.

Hệ thống tải điện: Là dây truyền dẫn điện, công tơ, máy phát điện, cầu dao.

Nhà máy công nghiệp: Là nơi lắp đặt các máy móc, thiết bị nhằm thực hiện hoạt động sản xuất như nhà máy công nghiệp nặng, nhà máy công nghiệp nhẹ.

Vũ khí: Gồm vũ khí quân dụng; Vũ khí thể thao súng săn; vũ khí thô sơ. *(Nghị định 47/CP ngày 12/8/1996 về quy chế quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ).* Theo đó, vũ khí quân dụng gồm: các loại súng ngắn; súng trường; súng liên thanh;...

Vũ khí thể thao gồm: Các loại súng trường, súng ngắn thể thao chuyên dụng các cỡ, …

Súng săn gồm: Các loại súng săn một nòng, nhiều nòng các cỡ,…

Vũ khí thô sơ gồm: Dao găm, gậy, kiếm, giáo, mác, đinh ba, đại đao, mã tấu…tuy nhiên không phải tất cả các loại vũ khí khi sử dụng đều là nguồn nguy hiểm cao độ. Những loại vũ khí thô sơ như dao găm, gậy, đinh ba nhiều khi là công cụ sản xuất, tư liệu sinh hoạt thì không phải nguồn nguy hiểm cao độ.

Chất cháy, chất nổ: Tại điều 3 Luật phòng cháy chữa cháy thì *"chất cháy, chất nổ là chất lỏng, chất khí, chất rắn dễ xảy ra cháy nổ''*

Chất cháy với đặc tính tự bốc cháy khi tiếp xúc với oxy trong không khí nước hoặc dưới tác động của các yếu tố khác ở nhiệt độ nhất định.ví dụ: diêm tiêu (Kali nitrat), phốt pho, thuốc đạn, xăng dầu…

Chất nổ theo quy định tại khoản 1, Thông tư liên tịch số 01/TTLT-CN-NV ngày 13/11/1998 của Bộ Công Ngiệp, Bộ Nội Vụ hướng dẫn về quản lí kinh doanh, cung ứng vật liệu nổ công ngiệp là: *'' hóa chất hoặc hỗn hợp, hóa chất đặc biệt mà khi có tác động lí , hóa học hoặc nhiệt năng đủ liều lượng sẽ gây ra*

phản ứng hóa học biến hóa chất hoặc chất đặc biệt đó thành năng lượng nổ và phá hủy môi trường xung quanh". Ví dụ: thuốc nổ, thuốc pháp, thuốc súng…

Chất độc: Chất độc là những chất có độc tính cao, rất nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, động vật cũng như môi trường xung quanh. Ví dụ: các chất độc bảng A như : A-cô-ni-tin và các loại muối kẽm của nó, kẽm phốt pho, ni-cô-tin, thạch tín, thủy ngân và các loại muối của nó… Theo quy định tại khoản 4 Khoản 5 điều 4 Luật hóa chất năm 2007 quy định: hóa chất độc là hóa chất nguy hiểm có ít nhất một trong những đặc tính nguy hiểm sau: *(i) dễ nổ; (ii) oxy hóa mạnh; (iii) ăn mòn mạnh; (iv) dễ cháy; (v) độc cấp tính; (vi) độc mãn tính; (vii) gây kích ứng đối với con người; (viii) gây ung thư hoặc có nguy cơ gây ung thư; (ix) gây biến đổi gen; (x) độc với sinh sản; (xi) tích lũy sinh học; (xii) ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy; (xiii) độc hại với môi trường.*

Chất phóng xạ: Theo pháp lệnh An toàn và kiểm soát bức xạ năm 1996 chất phóng xạ là chất ở thể rắn, lỏng hoặc khí có hoạt động phóng xạ trên 70 kilo becoren trên. Kilogam (70Kbo/kg). Chất phóng xạ là nhân tố sát thương của vũ khí hạt nhân gồm đồng vị không bền của các nguyên tố hóa học (Urani, Radi…) có khả năng phóng ra các chùm tia phóng xạ không nhìn thấy, gây nhiễm xạ với người, động vật và với môi trường sống.

Các nguồn nguy hiểm cao độ khác: Bên cạnh những nguồn nguy hiểm cao độ được liệt kê trên, thì pháp luật còn quy định thêm "các nguồn nguy hiểm cao độ khác". Các nguồn nguy hiểm cao độ khác ở đây có thể được hiểu là ngoài các nguồn nguy hiểm cao độ được quy định tại khoản 1 điều 601 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì pháp luật có quy định về các nguồn nguy hiểm cao độ khác ở trong các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Như vậy, hiểu một cách chung nhất về nguồn nguy hiểm cao độ thì: "nguồn nguy hiểm cao độ là những vật trong thế giới tự nhiên hoặc do con người tạo ra mà hoạt động, tính chất hoặc bản năng của những vật này tiềm ẩn khả năng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản cho những người xung quanh".

1.1.3 Khái niệm trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

"Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác" Khoản 2, Điều 601 Bộ luật Dân sự 2015 [3, tr. 247]; khoản 2 Điều 623 Bộ luật Dân sự 2005. [2, tr. 264]

Theo đó, chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu, người được giao quản lý, sử dụng hợp pháp nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe cũng như bù đắp về tinh thần cho những người bị thiệt hại do tự thân nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, ngay cả trong trường hợp không có lỗi của họ.

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ chỉ đặt ra đối với trường hợp "tự thân" nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thiệt hại, bản thân nguồn nguy hiểm cao độ luôn tiềm ẩn trong nó khả năng gây ra những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản cho những người xung quanh. Đây là những thiệt hại do chính sự hoạt động của nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, thiệt hại hoàn toàn hoàn toàn do "tự thân" sự hoạt động của nguồn nguy hiểm cao độ, độc lập và nằm ngoài sự quản lý, kiểm soát của con người như ô tô, xe máy đang chạy trên đường thì mất phanh, nổ lốp… thì khi đó trách nhiệm bồi thường do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra mới phát sinh. Còn nếu những thiệt hại xảy ra do hành vi trái pháp luật của con người tác động thông qua nguồn nguy hiểm cao độ mà gây thiệt hại như phóng nhanh, vượt ẩu gây tai nạn, vi phạm quy tắc an toàn của hệ thống điện gây chết người thì sẽ áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của con người.

Tuy nhiên, thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra ở đây được xác định đối với "người xung quanh" những người không liên quan gì tới nguồn nguy hiểm cao độ như: hành khách trên các phương tiện giao thông; là người tham gia giao thông với các phương tiện giao thông cơ giới khác đang hoạt động, khán

giả trong rạp xiếc; người thăm quan trong vườn bách thú.Trong quan hệ bồi thường, "người xung quanh" là chủ thể được hưởng bồi thường thiệt hại. Về bản chất nó luôn tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại cho người xung quanh, nguồn nguy hiểm cao độ có thể gây thiệt hại cho bất cứ ai có thể là chủ sở hữu, sử dụng, vận hành hoặc ngay cả những người không có bất cứ liên quan gì tới nguồn nguy hiểm cao độ. Trường hợp nguồn nguy hiểm cao độ đối với chính người chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu, sử dụng, vận hành nguồn nguy hiểm cao độ thì được xác định là rủi ro người đó phải tự gánh chịu. (VD: Xe máy đang vận hành trên đường bị bốc cháy, gây bị thương cho chủ sở hữu đang vận hành và hỏng xe..) Trường hợp này là tự thân nguồn nguy hiểm cao độ gây ra trong quá trình vận hành vì vậy chủ sở hữu phải tự gánh chịu những thiệt hại xảy ra và được xác định đó là rủi ro.

Qua đó có thể thấy, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra khác với trách nhiệm bồi thường thiệt hại liên quan đến nguồn nguy hiểm cao độ.

Về thiệt hại: "Đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra là những thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe. Còn nhân phẩm, danh dự, uy tín là những giá trị nhân thân gắn liền với một cá nhân, tổ chức cụ thể, chúng chỉ bị thiệt hại thông qua hành động, lời nói, chữ viết của con người nhằm xuyên tạc, bôi nhọ làm tổn thất cho chủ thể bị hại"

Về lỗi: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra không yêu cầu điều kiện lỗi, còn đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của con người liên quan đến nguồn nguy hiểm cao độ thì lỗi là một trong những điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại có liên quan đến nguồn nguy hiểm cao độ, thiệt hại xảy ra là hậu quả từ hành vi của con người tác động thông qua nguồn nguy hiểm cao độ mà gây ra thiệt hại như: Mắc đường dây tải điện cẩu thả không tuân thủ quy trình mắc nối; nuôi thú dữ trong nhà…vì vậy cần phân

biệt rất rõ về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra và trách nhiệm bồi thường thiệt hại liên quan đến nguồn nguy hiểm cao độ.

1.2. Cơ sở pháp lý xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

1.2.1 Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

Có thiệt hại xảy ra; Thiệt hại vật chất; Thiệt hại do tổn thất về tinh thần; Có việc gây thiệt hại trái pháp luật của nguồn nguy hiểm cao độ:

Khi nguồn nguy hiểm cao độ gây thiệt hại trái pháp luật thì về nguyên tắc, chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ có trách nhiệm phải bồi thường, trừ các trường hợp sau: (i) Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại (ii) Thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng (iii) Thiệt hại xảy ra trong tình thế cấp thiết.

Có mối quan hệ nhân quả giữa sự hoạt động của nguồn nguy hiểm cao độ và thiệt hại, được coi là có mối quan hệ nhân quả thiệt hại khi tự thân sự hoạt động của nguồn nguy hiểm cao độ là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại, hoàn toàn không có yếu tố lỗi của con người. Yếu tố lỗi mặc dù không phải là điều kiện bắt buộc làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, song khi thiệt hại xảy ra, những người áp dụng pháp luật vẫn cần xem xét có lỗi hay không có lỗi của con người để từ đó có thể xác định những chủ thể phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cũng như những loại trách nhiệm (hình sự hay dân sự) mà những chủ thể này phải gánh chịu.

1.2.2 Xác định thiệt hại

Xác định thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Thiệt hại vừa là điều kiện để xác định trách nhiệm bồi thường vừa là căn cứ cần thiết để ấn định mức bồi thường cho bên bị thiệt hại. Xác định đúng mức độ thiệt hại xảy ra là một điều kiện quan trọng để xác định đúng trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Xác định thiệt hại về tài sản: Thiệt hại trực tiếp; Thiệt hại gián tiếp;

Xác định thiệt hại về sức khoẻ; Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; Chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại sau khi điều trị; Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm.

Xác định thiệt hại về tính mạng: Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết; Chi phí hợp lý cho việc mai táng; Khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng trước khi chết; Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do tính mạng bị xâm phạm.

1.2.3 Người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ. Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra trong hai trường hợp:

Trường hợp thứ nhất: Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ đang trực tiếp chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

Trường hợp thứ hai: Trong trường hợp chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ không theo đúng quy định của pháp luật mà gây thiệt hại, thì chủ sở hữu phải bồi thường thiệt hại.

1.2.4 Người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ theo đúng quy định của pháp luật

Trường hợp thứ nhất: chủ sở hữu đã giao quyền chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ cho người khác theo quan hệ lao động (theo nghĩa rộng) để người này thực hiện những nhiệm vụ, những công việc theo yêu cầu của chủ sở hữu, và vì lợi ích của chủ sở hữu .

Nếu thiệt hại xảy ra trong lúc người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ đang thực hiện những công việc, nhiệm vụ theo yêu cầu của chủ sở hữu và vì lợi ích của chủ sở hữu thì chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi nguồn nguy hiểm cao độ gây thiệt hại cho người khác.

Nếu thiệt hại xảy ra trong lúc người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ đang thực hiện những công việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao, không vì lợi ích của chủ sở hữu thì người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra cho người khác.

Trường hợp thứ hai: chủ sở hữu đã giao quyền chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ cho người khác thông qua một giao dịch dân sự.

Nếu trong hợp đồng cho thuê, cho mượn... có thỏa thuận xác định cụ thể chủ thể phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì khi nguồn nguy hiểm cao độ gây thiệt hại sẽ căn cứ vào thỏa thuận đó để xác định chủ thể có trách nhiệm bồi thường.

Nếu trong hợp đồng cho thuê, cho mượn...không có thỏa thuận, thì phải xem xét: nếu người đang trực tiếp điều khiển, vận hành nguồn nguy hiểm cao độ lúc nguồn nguy hiểm cao độ gây thiệt hại là người của bên thuê, bên mượn (hoặc bên thuê, bên mượn đang trực tiếp điều khiển, vận hành) thì, bên thuê, bên mượn là người chịu trách nhiệm bồi thường. Còn nếu đây là người của chủ sở hữu, được chủ sở hữu giao nhiệm vụ điều khiển, vận hành nguồn nguy hiểm cao độ (hoặc trực tiếp chủ sở hữu đang điều khiển, vận hành), thì trách nhiệm bồi thường thuộc về chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ.

Trường hợp thứ ba: chủ sở hữu bắt buộc phải giao quyền chiếm hữu sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ theo quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì khi nguồn nguy hiểm cao độ gây thiệt hại thì cơ quan đã ra quyết định là người chịu trách nhiệm bồi thường.

1.2.5 Người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật nguồn nguy hiểm cao độ

Nếu chủ sở hữu, người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp không có lỗi trong việc để nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật (đã tuân thủ các quy định về bảo quản, trông giữ, vận chuyển, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ theo đúng các quy định của pháp luật) thì người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Nếu chủ sở hữu, người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp có lỗi trong việc để nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật (không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các quy định về bảo quản, trông giữ, vận chuyển, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ theo quy định của pháp luật) thì phải liên đới cùng với người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

1.2.6 Người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ giao lại nguồn nguy hiểm cao độ cho người thứ ba

Trường hợp thứ nhất: nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ và người này (được sự đồng ý của chủ sở hữu) lại giao lại nguồn nguy hiểm cao độ cho người thứ ba, thì người thứ ba được coi là "người chiếm hữu, sử dụng hợp pháp" nguồn nguy hiểm cao độ. Khi nguồn nguy hiểm cao độ gây thiệt hại thì trách nhiệm của người thứ ba sẽ được xem xét tương tự như trách nhiệm của "người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ theo đúng quy định của pháp luật" (cụ thể chúng ta cũng phải phân chia thành hai trường hợp: nguồn nguy hiểm cao độ được giao theo quan hệ dân sự và nguồn nguy hiểm cao độ được giao theo quan hệ lao động)

Trường hợp thứ hai: nếu không có sự đồng ý của chủ sở hữu nhưng người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ vẫn giao lại nguồn nguy hiểm cao độ cho người thứ ba thì người thứ ba chính là "người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ không đúng quy định pháp luật". Vì vậy, khi nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thiệt hại thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại

sẽ được giải quyết theo quy định tại *điểm b, mục 2, phần III Nghị quyết số 03/2006/N QHĐTP*. Cụ thể: người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ sẽ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. [22, tr. 9]

1.2.7 Người được bồi thường thiệt hại

Là người được bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra là (người xung quanh) được hiểu là những người không có mối quan hệ đến việc điều khiển, quản lý nguồn nguy hiểm cao độ đang hoạt động như: hành khách trên các phương tiện giao thông, người tham gia giao thông đối với các phương tiện giao thông cơ giới khác đang hoạt động, khán giả trong rạp xiếc, khách tham quan trong vườn bách thú nơi nuôi hổ, báo, sư tử...

1.3. Sơ lược lịch sử pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra ở Việt Nam

1.3.1 Từ năm 1945- 1983

Thời kỳ pháp thuộc qua 2 bộ Dân Luật Bắc Kỳ và Dân Luật Trung Kỳ thì cách xác định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đã được quy định tại điều 711 Dân Luật Bắc Kỳ và điều 763 Dân Luật Trung Kỳ, cụ thể:

Người ta phải chịu trách nhiệm không những tổn hại tự mình làm ra mà cả về sự tổn hại do những người mà mình phải bảo lãnh hay do những vật mà mình phải trông coi nữa.

Phàm vật vô hồn mà làm nên tổn hại thì người trông coi vật ấy bị cho là có lỗi vào đó, không phân biệt vật đó có tay người động đến hay không, muốn phá sự phỏng đoán đó thì phải có bằng chứng trái lại mới được.

Những trường hợp như trên đều có trách nhiệm cả, trừ khi người chịu trách nhiệm đó có bằng chứng rằng cái việc sinh ra trách nhiệm ấy mình không thể ngăn cấm được.

Qua đó ta thấy, hai điều luật trên đã xác định rất rõ nguyên tắc chịu trách nhiệm dân sự là người nào gây thiệt hại thì người đó phải bồi thường. Người bảo

lãnh và người trông coi tài sản cũng phải bồi thường khi không thực hiện nghĩa vụ quản lý, trông coi tài sản. Bên cạnh đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người trông coi "vật vô hồn" thì được chia thành hai trường hợp: (i) do người quản lí trông coi, sử dụng tài sản có lỗi và do tài sản tự nó gây thiệt hại mà không có sự tác động của người trông coi, quản lý. Nếu có bằng chứng chứng minh "cái việc sinh ra trách nhiệm" mình không thể ngăn cấm được hay nói cách khác việc gây thiệt hại là bất khả kháng thì khi đó người trông coi, quản lý không phải chịu trách nhiệm dân sự.

Mặc dù không xác định một cách cụ thể *"vật vô hồn"* là gì, có bao gồm trong đó nguồn nguy hiểm cao độ hay không. Nhưng việc các nhà làm luật quy định nếu vật gây thiệt hại dù có hay không có sự tác động của con người thì chủ sở hữu vẫn có trách nhiệm bồi thường, do vậy mặc nhiên bị coi là có lỗi trong việc để gây ra thiệt hại, cùng với hoàn cảnh thực dân Pháp xâm lược nước ta đem theo không ít phương tiện cơ giới máy móc để phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa và nhu cầu cuộc sống của chúng thì có thể hiểu "vật vô hồn" mà các mà các nhà làm luật để cập đến bao gồm cả các đối tượng là nguồn nguy hiểm cao độ.

Dưới thời kì pháp thuộc, manh nha của trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra đã được hình thành khi đã có những quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với tài sản dù chưa có sự phân định cụ thể về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra mà mới chỉ khái quát một cách chung nhất về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người trông coi "vật vô hồn".

Đến năm 1972, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp nhà nước, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đã được quy định và giải thích khác cụ thể và rõ ràng trong thông tư số 173/1972/UBTP ngày 23/3/1972 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xét xử về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong đó có nội dung hướng dẫn về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

Thông tư số 173 quy định bốn điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, bao gồm: (i) phải có thiệt hại. Đó là thiệt hại về vật chất, biểu hiện cụ thể là thiệt hại về tài sản, hoặc là những chi phí và những thu nhập bị giảm sút hay bị mất do có sự thiệt hại về tính mạng, sức khỏe đưa đến. Thiệt hại ấy phải thực sự đã xảy ra và có thể tính toán được. Tuy nhiên, đối với loại thiệt hại như: hoa màu sắp được thu hoạch một cách tương đối chắc chắn mà bị làm hư hỏng, hay súc vật sắp đến ngày đẻ mà bị làm chết, thì có thể xem xét thiệt hại một cách thích đáng. (ii) phải có hành vi trái pháp luật. Hành vi trái pháp luật có thể là một vi phạm pháp luật về hình sự, hay vi phạm pháp luật về dân sự, một vi phạm đường lối, chính sách của Đảng và Nhà Nước, hoặc vi phạm quy tắc sinh hoạt xã hội. Do đó, hành vi của người vì thừa hành một nhiệm vụ trong trường hợp cần thiết do luật pháp quy định mà gây thiệt hại, thì không coi là trái pháp luật. Nhưng nếu hành vi của người đó vượt quá giới hạn luật pháp quy định, thì lại coi là trái pháp luật. (iii) phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi trái pháp luật, hay ngược lại, hành vi trái pháp luật là nguyên nhân trực tiếp của thiệt hại xảy ra, có ý nghĩa quyết định đối với thiệt hại và được coi là quan hệ nhân quả với thiệt hại. (iv) phải có lỗi của người gây thiệt hại. Người gây thiệt hại phải nhận thức hoặc có thể nhận thức được rằng hành vi của mình là trái pháp luật và có thể gây ra thiệt hại cho người khác. "cố ý hay vô ý đều là có lỗi"

Do đó, có thể thấy bốn điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được quy định trong Thông tư số 173 tương đối đồng nhất với quy định về điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, một số nội dung của thông tư còn chưa bao quát, dự liệu được các tình huống nhưng chưa dự liệu được những tổn thất tinh thần trong các trường hợp bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng.

Bên cạnh các quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thông tư số 173 cũng đã ghi nhận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, Cụ thể:

Đoạn 1, tiểu mục 5, mục B, phần II của Thông tư số 173 quy định: "thực tiễn xét xử của ta đã chỉ rõ trong một số trường hợp cá biệt, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng không phụ thuộc vào điều kiện phải có lỗi của người gây thiệt hại". Đó là trường hợp thiệt hại xảy ra do sự hoạt động của nguồn nguy hiểm cao độ gây ra nên không do lỗi của ai, cơ quan quản lý nguồn nguy hiểm cao độ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại "như tai nạn ô tô xảy ra do hư hỏng bộ phận máy móc cuả xe; bình khí bị nổ khi đang vận chuyển…"

Thông tư số 173 cũng phân biệt về trường hợp thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ và thiệt hại liên quan đên nguồn nguy hiểm cao độ, tại đoạn 2, tiểu mục 5, mục B, phần II: "tuy nhiên, không phải mọi thiệt hại có quan hệ đến nguồn nguy hiểm cao độ đều do sự hoạt động của nguy hiểm cao độ gây lên, mà có nhiều tai nạn xảy ra do lỗi của người được giao trách nhiệm sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ đó. Vì vậy, khi xác định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có quan hệ đến nguồn nguy hiểm cao độ vẫn phải xem xét bốn điều kiện của trách nhiệm bồi thường để xác định xem người được giao trách nhiệm sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ có lỗi không. Nếu có lỗi thì cơ quan quản lý nguồn nguy hiểm cao độ vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, rồi sau đó, có quyền đòi người được giao trách nhiệm sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ, có lỗi, hoàn trả việc bồi thường đó". Như vậy, thông tư số 173 đã xác định rõ thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ phải là thiệt hại "tự thân" nguồn nguy hiểm cao độ trong quá trình hoạt động, vận hành gây ra.

Một điểm đáng lưu ý nữa về nội dung trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra được quy định trong thông tư số 173 đó là các trường hợp miễn trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại tại đoạn 3, tiểu mục 5,

Mục B, phần II đó là : "cơ quan quản lý nguồn nguy hiểm cao độ được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi người bị thiệt hại cố ý hay đã có sự vô ý nặng có ý nghĩa quyết định đối với tai nạn xảy ra" Ví dụ: như người đi đường tự lao vào ô tô đang chạy, người nằm ngủ trên đường sắt .

Thông tư số 173 còn quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do việc sử dụng vũ khí hoặc súng săn gây nên. Cụ thể:

"Người được giao sử dụng vũ khí (Nghị định số 157-CP ngày 11-12-1961 của Hội đồng chính phủ về việc quản lý vũ khí quân dụng và vũ khí thể thao quốc phòng) trong khi thực hiện nhiệm vụ được phân công, như: tuần tra, canh gác, luyện tập, lau chùi vũ khí… mà vô ý làm nổ súng gây thiệt hại, thì cơ quan, đơn vị, xí nghiệp đã phân công nhiệm vụ, phải chiu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Còn nếu người đó rõ ràng đã sử dụng vũ khí vào việc riêng, như đem đi săn bắn… mà gây thiệt hại, thì cá nhân họ phại chịu trách nhiệm bồi thường".

Tại điểm a, tiểu mục 3, mục b, phần II Thông tư 173 cũng quy định cụ thể về trách nhiệm của người được chủ sở hữu giao chiếm hữu sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trong trường hợp người được giao sử dụng vụ khí lại cho người khác mượn vũ khí của mình mà người đó gây thiệt hại thì khi đó trách nhiệm bồi thường sẽ căn cứ vào hành vi của người cho mượn xem có phải là nguyên nhân trực tiếp quyết định tai nạn hay không.

Cụ thể "Người được giao sử dụng vũ khí cho người khác biết sử dụng vũ khí mượn, sau đó người mượn vũ khí gây tai nạn, thì hành vi của người cho mượn không phải nguyên nhân trực tiếp, quyết định của tai nạn họ được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Người mượn vũ khí, trực tiếp gây tai nạn, phải chịu trách nhiệm bồi thường. Tuy nhiên, nếu người được sử dụng vũ khí cho người mà họ biết rõ ràng là chưa biết sử dụng vũ khí mượn, sau đó người mượn vũ khí gây tai nạn, thì hành vi của người cho mượn có nhiều khả năng dẫn đến thiệt hại. Hành vi của người chưa biết sử dụng mà mượn vũ khí, sau đó gây tai nạn, là nguyên nhân trực tiếp, quyết định thiệt hại. Vì vậy, người cho mượn vũ

khí và người mượn vũ khí cũng phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại". Như vậy, Thông tư số 173 đã thể hiện sự nhận thức và quan tâm của các nhà làm luật đối với những đối tượng đặc biệt, tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại cao để xây dựng những quy định đặc trưng phù hợp.

Qua đó có thể thấy, mặc dù là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên quy định một cách cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng trong điều kiện kinh tế hết sức khó khăn cũng như nhận thức, kinh nghiệm của các nhà làm luật còn hạn chế nhưng các nội dung cơ bản về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ đã được quy định một cách cụ thể, rõ ràng, bao quát. Nguồn nguy hiểm cao độ gây ra được quy định khá sát với các quy định của pháp luật hiện hành. Qua đó đã góp phần đặt nền móng cho các quy định của pháp luật sau này liên quan đến nội dung này.

1.3.2 Từ năm 1983 – 1995

Ngày 5/4/1983, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư số 03-TAN D hướng dẫn giải quyết một số vấn đề về bồi thường thiệt hại trong tai nạn ô tô. Trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư 173, Thông tư số 03 – TAND tối cao hướng dẫn cụ thể về những trường hợp được bồi thường, chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường, người được bồi thường, mức bồi thường. Thông tư số 03 – TAND tối cao nhấn mạnh, hoạt động ô tô là một nguồn nguy hiểm cao độ, nên phía ô tô có trách nhiệm bồi thường cho người thiệt hại ngay cả khi chủ sở hữu, người chiếm hữu sử dụng phương tiện (ô tô) không có lỗi *(những tai nạn xảy ra do rủi ro- do cấu tạo của máy móc, vật liệu..).*

Sau một thời gian dài áp dụng thực hiện cùng với sự phát triển của xã hội, các quan hệ phát sinh ngày càng phức tạp thì thông tư 173 đã bộc lộ nhiều điểm hạn chế và bất cập, đặc biệt là trong nội dung quy định về vấn đề bồi thường thiệt hại trong tai nạn ô tô. Để đáp ứng yêu cầu cấp thiết này, sau khi rút kinh

nghiệm và trao đổi thống nhất với Viện Kiểm Sát nhân dân tối cao và Bộ giao thông vận tải, ngày 5/4/1983 thông tư số 03 là cơ sở trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong tai nạn ô tô *"Hoạt động của ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, cho nên người chiếm hữu phương tiện phải bồi thường những thiệt hại cho người xung quanh."* Quy định này nhằm mục đích đảm bảo việc bồi thường thiệt hại được kịp thời cho người bị thiệt hại, nâng cao ý thức trách nhiệm và quản lý của người được giao chiếm hữu, sử dụng ô tô. Ngoài ra, thông tư số 03 cũng quy định những những trường hợp do sự kiện "bất khả kháng" dẫn đến gây thiệt hại thì phía ô tô được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Cụ thể: *"nếu tai nạn xảy ra vì không thể khắc phục được, không thể nhận thức được và ngăn ngừa trước (trường hợp bất khả kháng nhu: sét, nước lũ, cây đổ, đá lở) thì phía ô tô không phải bồi thường".*

1.3.3 Từ năm 1995 – 2005

Ngày 28 tháng 12 năm 1995, Bộ luật Dân sự đầu tiên của nước Việt Nam đã được ban hành (Bộ luật dân sự năm 1995), tại Điều 627 của Bộ luật Dân sự đã chính thức ghi nhận trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Lần đầu tiên, pháp luật dân sự Việt Nam đã liệt kê được những gì có thể được coi là "nguồn nguy hiểm cao độ". Kế thừa những quy định tại Thông tư 173- UBTP và Thông tư 03-TAND, Bộ luật dân sự 1995 vẫn tiếp tục quy định: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra là trách nhiệm ngoại trừ yếu tố lỗi, điều đó có nghĩa là chủ sở hữu, người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại trong mọi trường hợp ngay cả khi họ không có lỗi, trừ trường hợp thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại, do sự kiện bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết và trong trường hợp pháp luật có quy định khác, hoặc trong trường hợp họ không có lỗi trong việc để nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật gây thiệt hại.

Ngày 01/02/1999 Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành công văn số 16/1999/KHXX của Hội đồng xét xử ra ngày 01/02/1999 hướng dẫn một số vướng mắc trong thực tiễn xét xử, trong đó có hướng dẫn việc *"xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại giữa chủ sở hữu và người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn cao độ theo quy định tại khoản 3 điều 627 Bộ luật Dân sự"*. Theo Công văn *" trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra là trách nhiệm ngoại trừ yếu tố lỗi, tức là chủ sở hữu, người được chủ sở hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại trong mọi trường hợp, ngay cả trong trường hợp thiệt hại xảy ra hoàn toàn không có lỗi của họ"*. Tuy nhiên, công văn cũng quy định một số trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường khi thiệt hại hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại, do sự kiện bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết và trong trường hợp pháp luật có quy định khác, hoặc trường hợp họ không có lỗi trong việc để nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu sử dụng trái pháp luật gây thiệt hại. Bên cạnh đó, việc phân định trách nhiệm cụ thể giữa chủ sở hữu và người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ cũng được hướng dẫn một cách khá cụ thể dựa trên cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 627 Bộ luật Dân sự năm 1995.

Mặc dù vậy, cả Bộ luật dân sự năm 1995 và công văn số 16/1999/KHXX của hội đồng xét xử ra ngày 01/02/1999 đều không quy định nội dung liên quan tới điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

Ngày 28/4/2004 Nghị Quyết số 01/2004/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được ban hành. Theo đó, bốn điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng mới được ghi nhận tại mục 1 phần I. Cụ thể bao gồm: (i) phải có thiệt hại xảy ra; (ii) phải có hành vi trái pháp luật; (iii phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt

hại xảy ra với hành vi trái pháp luật; (iv) phải có lỗi cố ý hoặc vố ý của người gây thiệt hại. [21, tr. 1]

Đây có thể coi là một trong những điểm bổ sung góp phần hoàn thiện nội dung về trách nhiệm bồi thường thiện hại ngoài hợp đồng nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra nói riêng. Mặc dù vậy, Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP vẫn còn bộc lộ nhiều thiếu sót, ví dụ: như tại quy định về cách tính thiệt hại về tinh thần của nghị quyết còn nhiều bất cập.

1.3.4 Từ năm 2005 đến nay

Kế thừa những quy định tại Bộ luật dân sự 1995, Điều 601 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 623 Bộ luật dân sự 2005 và Nghị quyết số 03/2006/NQ- HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tiếp tục quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. So với những quy định trong Bộ luật dân sự 1995 và 2005 thì những quy định trong Bộ luật dân sự 2015 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra không có gì thay đổi. Đây vẫn là trách nhiệm pháp sinh không cần điều kiện lỗi.

Cũng trong giai đoạn này, ngày 8/7/2006 Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP Tòa an nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đã được ban hành với những sửa đổi bổ sung nhất định hoàn thiện chế định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng.

Ngày 24/11/2015 Bộ Luật Dân sự năm 2015 được ban hành, các quy định liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra đã được quy định khá tương đồng với các quy định của bộ luật dân sự năm 2005. Về khái niệm nguồn nguy hiểm cao độ theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 với khái niệm nguồn nguy hiểm cao độ theo quy định của Bộ luật Dân

sự năm 2005 giống nhau khi cả hai điều luật đều định nghĩa nguồn nguy hiểm cao độ theo hướng liệt kê đó là: *"phương tiện vận tải cơ giới, hệ thống tải điện, nhà máy công nghiệp đang hoạt động, vũ khí, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, thú dữ và các nguồn nguy hiểm khác".* Đồng thời Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng quy định chủ sở hữu, người chiếm hữu sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi. [3, tr. 247]

Kết luận chương 1

Từ những năm 1945, chế định bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra đã manh nha hình thành. Trải qua rất nhiều lần sửa đổi, bổ sung của Bộ luật Dân sự các nhà làm luật vẫn luôn chú trọng đến chế định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và chế định bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra noi riêng, bởi lẽ, sự tồn tại của những vật bị coi là vô hồn nhưng luôn tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại cho con người thì việc sinh ra trách nhiệm bồi thường là lẽ đương nhiên. Điều 601 Bộ luật dân sự 2015 ra đời, vẫn kế thừa trên tinh thần Điều 623 của Bộ luật dân sự 2005 về chế định bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Bộ luật 2015 và những văn bản hướng dẫn thi hành, chúng ta vẫn chưa có được một khái niệm cụ thể về nguồn nguy hiểm cao độ; về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Nhưng không vì thế, mà chế định này thiếu tính quan trọng hay thiếu tính thực tế. Ngược lại, với mục tiêu nhanh chóng khắc phục những tổn thất do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, duy trì và phát triển trật tự xã hội một cách bền vững, khoa học pháp lý dân sự hiện đại đã không ngừng đề cập và xây dựng một hành lang pháp lý vững chắc xung quanh vấn đề này. Do đó, **c**hế định dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra nói chung và chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói riêng là một chế định cần thiết được quy định trong Bộ luật Dân sự trước kia và sau này, mục tiêu của chế định nhằm nhanh chóng

khắc phục những tổn thất do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, để duy trì và phát triển trật tự xã hội một cách bền vững. Việc khôi phục các thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra tương tự như việc khôi phục các thiệt hại do các chủ thể khác gây ra, nó góp phần bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm cũng như tài sản và các quyền lợi ích hợp pháp khác của các chủ thể được pháp luật bảo vệ, góp phần bảo đảm sự bình đẳng và công bằng trong các tranh chấp về dân sự. Qua đó tạo một hành lang pháp lý khắc phục những điểm còn yếu còn thiếu trong các quan hệ về pháp luật dân sự.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG DO NGUỒN NGUY HIỂM CAO ĐỘ GÂY RA

2.1. Trách nhiệm bồi thường do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

2.1.1 Có thiệt hại xảy ra

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra là một loại trách nhiệm đặc biệt bởi lẽ thiệt hại xảy ra không phải do hành vi có lỗi của con người mà do hoạt động của những sự vật mà hoạt động của chúng luôn tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại. Mặc dù chủ sở hữu, người chiếm hữu nguồn nguy hiểm cao độ không có lỗi đối với thiệt hại nhưng để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho người bị thiệt hại thì pháp luật vẫn buộc họ có trách nhiệm bồi thường. Như vậy, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra được hiểu là trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu, sử dụng hợp pháp nguồn nguy hiểm cao độ và do hoạt động tự thân của nguồn nguy hiểm cao độ gây thiệt hại cho người khác, phải bồi thường thiệt hại kể trong trường hợp không có lỗi.

2.1.2 Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

Có thiệt hại xảy ra: Điều kiện tiên quyết làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói riêng là phải "có thiệt hại xảy ra" bởi mục đích của việc áp dụng bồi thường thiệt hại là nhằm khôi phục, bù đắp lại tài sản hoặc những tổn thất về tinh thần, sức khỏe, tính mạng…cho người bị thiệt hại. Vì vậy, nếu không có thiệt hại xảy ra thì không có bồi thường. Thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra như "phương tiện vận tải đang tham gia giao thông, đường dây tải điện đang hoạt động…và các nguồn nguy hiểm cao độ khác" gây ra ở đây là những thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe chứ không có thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy

tín bởi những thiệt hại đó là những giá trị nhân thân gắn liền với một cá nhân hay tổ chức cụ thể, do vậy chúng chỉ có thể bị xâm phạm và gây thiệt hại bởi con người thông qua các hành động như "lời nói, chữ viết" nhằm xuyên tạc, bôi nhọ làm tổn thất về tinh thần cho các chủ thể bị thiệt hại, còn nguồn nguy hiểm là vật vô chi giác nên không thể gây ra những thiệt hại về danh dự, uy tín cũng như nhân phẩm.

Điều 589; Đ 590; Đ 591 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 608; Đ 609; Đ 610; Bộ luật Dân sự 2005 và nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP của Tòa án NDTC thì thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra gồm: [3, tr. 242; 243] [2, tr. 257; 258]

2.1.3 Thiệt hại về vật chất

Thiệt hại về vật chất được hiểu là những mất mát, giảm sút về lợi ích vật chất thực tế mà người bị thiệt hại phải gánh chịu. Những mất mát này có thể nhìn thấy rõ và xác định được cụ thể cũng như có thể tính toán được bằng tiền. Như vậy, thiệt hại về vật chất bao gồm: (i) Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm; (ii) Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm; (iii) Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm.

Pháp luật quy định về quyền sở hữu cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác đối với những tài sản hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình. Do đó, nếu quyền sở hữu tài sản của chủ sở hữu bị xâm phạm từ người khác mà gây ảnh hưởng tới việc thực hiện quyền của chủ sở hữu thì người gây thiệt hại sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường. Tuy nhiên, để xác định việc bồi thường của người gây thiệt hại đối với tài sản của chủ sở hữu thì căn cứ pháp lý để xác định được quy định tại điều 589 Bộ Luật Dân sự năm 2015 về xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Theo đó: *"Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm bao gồm: (i) tài sản bị mất, bị hủy hoại hoặc hư hỏng; (ii) lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị mất, bị giảm sút; (iii) Chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại; (iv) Thiệt hại khác do pháp luật quy định".* [3, tr. 242]

Cụ thể: Đối với tài sản bị mất được hiểu là tài sản đó không còn nằm trong tầm kiểm soát của chủ sở hữu, rời khỏi chủ sở hữu mà không thể tìm lại được.

Như vậy, nếu tài sản đã mất thì sẽ không khắc phục, hay sửa chữa được mà khi đó người gây thiệt hại phải bồi thường toàn bộ giá trị tài sản. Nhưng rất khó để xác định được giá trị của tài sản đó tại thời điểm tài sản mất. Bởi vì, nếu tài sản là vật đặc định thì do vật duy nhất đó không còn nên không có căn cứ để xác định giá trị của tài sản. Nếu tài sản là một vật cùng loại thì có thể xác định giá trị của tài sản dựa trên căn cứ giá trị của vật cùng loại trên thị trường, nhưng vấn đề này cũng không dễ dàng bởi tài sản bị mất thường là tài sản đã sử dụng, qua một thời gian với mức độ hao mòn, hỏng hóc cũng như giảm sút giá trị nhất định thì căn cứ để xác định giá trị còn lại của tài sản cũng khó định lượng. Một điều khác nữa là tâm lý của bên bị thiệt hại và bên thiệt hại luôn trái ngược với nhau, bên thiệt hại luôn hướng tới việc làm sao để bù đắp tổn thất mình phải gánh chịu một cách lớn nhất có thể còn bên gây thiệt hại thì luôn hướng tới việc làm sao mức bồi thường của mình cho bên bị thiệt hại là thấp nhất có thể. Liên quan tới nội dung này thì Bộ luật Dân sự năm 2005 chưa có quy định, tuy nhiên nội dung này cũng được nhắc đến trong quy định tại khoản 1 điều 45 luật trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2009: *"trường hợp tài sản đã bị phát mại, bị mất thì thiệt hại dược xác định căn cứ vào giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kĩ thuật và mức độ hao mòn của tài sản đã bị phát mại, mất trên thị trường tại thời điểm giải quyết bồi thường".* Tuy quy định còn khá khái quát nhưng đây cũng là một trong những điểm tiến bộ của quy định pháp luật liên quan tới nội dung này, tạo cơ sở để xác định thiệt hại đối với tài sản đồng thời tạo tiền đề cho các quy định được xây về sau.

Đối với tài sản bị hủy hoại hoặc hư hỏng: Tài sản bị hủy hoại có thể được hiểu là những tài sản bị thiệt hại nặng, không thể sửa chữa để thực hiện chức năng vốn có như ban đầu của chúng, làm cho chủ sở hữu không thể thực hiện việc khai thác tính năng, công dụng của tài sản. Xác định thiệt hại đối với tài sản bị hủy hoại tương tự như đối với tài sản bị mất. Có nghĩa là người gây thiệt hại sẽ phải bồi thường toàn bộ giá trị tài sản cho người bị thiệt hại. Tuy nhiên, khi

giải quyết các vụ việc về bồi thường thiệt hại, thời điểm phát sinh vụ việc và thời điểm vụ việc được Tòa án giải quyết thường cách nhau khá xa. Do đó, giá trị của tài sản tính tại các thời điểm khác nhau có thể sẽ rất khác nhau. Ví dụ: giá của chiếc xe máy honda tại thời điểm xảy ra thiệt hại là 15 triệu, nhưng một thời gian sau, khi vụ việc được giải quyết thì giá trị của chiếc xe đã giảm xuống còn 10 triệu. Trong trường hợp này, việc bồi thường thiệt hại sẽ áp dụng bồi thường thiệt hại toàn bộ giá trị là căn cứ vào giá trị tại thời điểm nào? Bộ luật Dân sự năm 2005 hiện vẫn bỏ ngỏ vấn đề này. Tuy nhiên, khoản 1 điều 45 luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 xác định giá trị để bồi thường đối với tài sản bị mất đó là phải bồi thường toàn bộ giá trị tài sản cho người bị thiệt hại theo giá thị trường vào thời điểm giải quyết bồi thường.

Khác với tài sản bị mất là không còn tài sản hoặc tài sản bị hủy hoại, bị hỏng tới mức không thể nào khắc phục được, trong trường hợp tài sản bị hư hỏng thì tài sản chỉ bị hỏng hóc một hay nhiều bộ phận dẫn đến việc làm giảm đi giá trị cũng như ảnh hưởng đến công năng sử dụng của tài sản. Việc bồi thường thiệt hại đối với tài sản bị hỏng được xác định là những chi phí để sửa chữa, phục hồi tài sản. Tuy nhiên, cũng tương tự như trên, Bộ Luật Dân sự năm 2005 không quy định rõ về thời điểm tính chi phí sửa chữa, khắc phục. Vấn đề này cũng được luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2009 quy định rõ hơn tại khoản 2 điều 45 luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2009 theo đó: *"trường hợp tài sản bị hư hỏng thì thiệt hại được xác định là chi phí có liên quan theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết bồi thường để sửa chữa, khôi phục lại tài sản; nếu tài sản đã bị hư hỏng không thể sửa chữa khôi phục thì thiệt được xác định theo quy định giống với trường hợp tài sản bị mất"* [tr. 21]

Lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản được hiểu là trong quá trình chủ sở hữu khai thác, sử dụng tài sản của mình thì sẽ làm phát sinh những lợi tức thu được từ việc khai thác công năng của tài sản đó. Tuy nhiên, vì hoạt động gây thiệt hại trái pháp luật của nguồn nguy hiểm cao độ sẽ làm giảm sút

hoặc mất đi lợi tức thu được thì đây cũng xác định là thiệt hại về tài sản phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Chi phí hợp lý để khắc phục, ngặn chặn, hạn chế không để thiệt hại xảy ra, nếu có thiệt hại xảy ra thì mức độ là ít nhất. Nếu thiệt hại đã xảy ra thì phải khắc phục thiệt hại để khôi phục tình trạng ban đầu. Như vậy, chi phí hợp lý của chủ sở hữu để ngăn chặn, khắc phục và hạn chế thiệt hại được xem là trách nhiệm bồi thường của bên gây thiệt hại đối với người bị thiệt hại. Nhưng trên thực tế để xác định được những chi phí này thì bên bị thiệt hại cần đưa ra những bằng chứng cụ thể để xác định thật rõ ràng về thiệt hại đó.

2.1.4 Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm

Được hiểu là những tổn thất, mất mát về vật chất cũng như tinh thần do hoạt động gây thiệt hại trái pháp luật của nguồn nguy hiểm cao độ gây ra cho người bị thiệt hại.

Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015 thì những thiệt hại do sức khỏe bao gồm:

*"(*a*) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; (b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; (c) Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị, nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần có người chăm sóc thường xuyên thì bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại; (d) Thiệt hại khác do luật quy định".* [3, tr. 242]

Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại được hiểu là những chi phí cho việc khắc phục thiệt hại về mặt sức khỏe cho người bị thiệt hại. Tại tiểu mục 1.1. mục 1 phần II Nghị Quyết số 03/2006/NQHĐTP thì những chi phí này bao gồm*: "Tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu tại các cơ sở y tế, chi phí chiếu, chụp X-Quang, chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, ổ, truyền máu,…theo chỉ định của bác sỹ; các chi phí thực tế, cần thiết khác cho người bị*

thiệt hại (nếu có) và các chi phí khác như lắp chân giả, tay giả, mua xe lăn, xe đẩy…để hỗ trợ và thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại".

Thu thập thực tế bị mất của người bị thiệt hại được hiểu là những khoản thu nhập mà đáng lẽ ra người bị thiệt hại được hưởng nhưng vì việc gây thiệt hại của nguồn nguy hiểm cao độ mà người bị thiệt hại không thể hưởng những khoản thu nhập này trong thời gian điều trị, chữa bệnh.

Thu nhập thực tế bị giảm sút là khoản thu nhập bị giảm so với thực tế trước đó của người bị thiệt hại. Do đó, để xác định xem thu nhập này bị mất hay bị giảm sút của người bị thiệt hại là bao nhiêu thì cần so sánh thu nhập thực tế của người bị thiệt hại trước và sau khi bị xâm phạm đến sức khỏe.

Tại điểm a, tiểu mục 1.2 của mục 1 phần II Nghị Quyết 03/2006/NQ-HĐTP quy định về việc xác định thu nhập thực tế của người bị thiệt hại, cụ thể: *"nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại có thu nhập ổn định từ tiền lương trong biên chế, tiền công từ hợp đồng lao động, thì căn cứ vào mức lương, tiền công của tháng liền kề trước khi người đó bị xâm hại sức khỏe, thân thể với thời gian điều trị để xác định khoản thu nhập thực tế của người bị thiệt hại".*

Nếu trước khi bị xâm phạm, người bị thiệt hại có làm việc và hàng tháng có thu nhập thực tế mà mức thu nhập của mỗi tháng là khác nhau, thì lấy mức trung bình của 06 tháng liền kề (nếu chưa đủ 06 tháng liền kề thì lấy mức trung bình của tất cả các tháng) trước khi bị xâm phạm sức khỏe nhân với thời gian thu nhập để xác định khoản thu nhập thực tế của người bị thiệt hại.

Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm, ngườ bị thiệt hại có thu nhập thực tế, nhưng không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cung loại nhân với thời gian điều trị để xác định khoản thu nhập thực tế bị mất hay bị giảm sút của người bị thiệt hại.

Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại chưa làm việc và chưa có thu nhập thực tế thì không được bồi thường khoản thu nhập thực tế hay bị giảm sút.

Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần có người thường xuyên chăm sóc thì bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại.

Chi phí hợp lý cho người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị như: tiền tàu, xe đi lại; tiền thuê nhà trọ (tính theo mức giá trung bình ở địa phương) cho người chăm sóc người bị thiệt hại do yêu cầu chỉ định của cơ sở y tế. Thông thường, người gây thiệt hại phải bồi thường cho một người thân chăm sóc người bị thiệt hại. Tuy nhiên, nếu trường hợp đặc biệt cần 2 người chăm sóc người bị thiệt hại theo yêu cầu của cơ sở y tế thì phải bồi thường cho cả hai người chăm sóc người bị thiệt hại.

Do phải chăm sóc người bị thiệt hại về sức khỏe nên người chăm sóc bị mất thu nhập thực tế. Vì vậy, người gây thiệt hại cũng phải bồi thường thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại. Phương thức xác định thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị được quy định tại điểm b, tiểu mục 1.3 của mục 1 phần II Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP, cụ thể: *"nếu người chăm sóc người bị thiệt hại có thu nhập ổn định từ tiền lương trong biên chế, tiền công từ hợp đồng lao động, thì căn cứ vào mức lương, tiền công của tháng liền kề trước khi người đó phải đi chăm sóc người bị thiệt hại nhân với thời gian chăm sóc để xác định khoản thu nhập thực tế bị mất"*. [22, tr. 4]

Nếu người chăm sóc người bị thiệt hại không có việc làm hoặc có tháng có việc làm, có tháng không, do đó không có thu nhập ổn định thì được hưởng tiền công của chăm sóc bằng tiền công trung bình trả cho người chăm sóc người tàn tật tại địa phương nơi người thiệt hại cư trú.

Nếu trong thời gian chăm sóc người bị thiệt hại, chăm sóc vẫn được cơ quan, người sử dụng lao động trả lương, trả tiền công lao động theo quy định của pháp luật lao động, pháp luật bảo hiểm xã hội thì họ không mất thu nhập thực tế, do đó không được bồi thường

Còn đối với trường hợp sau khi đã điều trị, người bị thiệt hại mất khả năng lao động (như bị mù mắt, liệt chân tay, tâm thần… và các trường hợp khác do cơ quan nhà nước quy định bị giảm vĩnh viễn từ 81% trở lên) và cần có người thường xuyên chăm sóc thì bên gây thiệt hại phải bồi thường chi phí hợp lý cho việc chăm sóc thường xuyên người bị thiệt hại bao gồm: chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị người bị thiệt hại được tính bằng mức tiền công trung bình trả cho người chăm sóc người tàn tật tại địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú. Về nguyên tắc, chỉ tính bồi thường thiệt hại cho một người chăm sóc người bị thiệt hại do mất khả năng lao đông.

Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết: được hiểu là trường hợp này người bị thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra nhưng chưa chết và được cứu chữa sau một thời gian. Các khoản chi phí này được xác đin tương tự như trường hợp sức khỏe bị xâm phạm.

Chi phí hợp lý cho việc mai táng: Chi phí mai táng được hiểu là những khoản chi cho việc chôn cất hay hỏa táng, thủy táng… người chết. Căn cứ theo quy định tại mục 2.2 mục 2 phần II nghị quyết số 03/2006/NQ-NĐTP thì chi phí hợp lý cho việc mai táng gồm: *"các khoản tiền mua quan tài, vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, chi phí thuê xe tang và các chi phí khác phục vụ việc chôn cất hoặc hỏa táng, thủy táng theo phong tục chung"*. Tuy nhiên, các khoản chi phí như: cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ… không được xác định là chi phí hợp lý cho việc mai táng do đó không được tính để yêu cầu bồi thường. [22, tr. 6]

Cách tính những khoản chi phí trên cũng được quy định tại khoản 2 điều 58 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2009*:* Chi phí cho việc mai táng

theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội cụ thể *"khoản trợ cấp mai táng được xác định là 10 tháng lương tối thiểu chung (khoản 2 điều 63 luật bảo hiểm xã hội năm 2006)"*

Tiền cấp dưỡng cho những người mà bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng trước khi chết: là khoản chi phí mà khi người bị thiệt hại còn sống phải có trách nhiệm cấp dưỡng. Tuy nhiên, người thiệt hại đã chết nên những chi phí cấp dưỡng này bên gây hại sẽ phải chịu trách nhiệm bù đắp một khoản chi phí tương đương với khoản chi phí mà khi người bị thiệt hại còn sống phải cấp dưỡng. Đối tượng được bồi thường khoản tiền cấp dưỡng được quy định cụ thể tại điểm b mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết 03/2006/NQ-NĐTP. Bên cạnh đó, thời điểm bắt đầu được hưởng tiền cấp dưỡng là thời điểm tính mạng của người bị thiệt hại bị xâm phạm. Thời điểm chấm dứt việc cấp dưỡng được quy định tại điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2005. Cụ thể là: *"(a) người chưa thành niên hoặc người đã thành niên là con của người chết và còn sống sau khi sinh ra được hưởng tiền cấp dưỡng cho đến khi đủ mười tám tuổi, trừ trường hợp người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi đã tham gia lao động và có thu nhập đủ nuôi sống bản thân; (b) người đã thành niên nhưng không có khả năng lao động được hưởng tiền cấp dưỡng đến khi chết.* [2, tr. 260]

Thiệt hại về tinh thần: Được hiểu là sự thiệt hại các giá trị tinh thần, tình cảm hay sự suy sụp về tâm lý của người bị thiệt hại trước những tổn thất về sức khỏe, thể trạng do bị tàn tật, bị biến dạng hình dạng bên ngoài như: sự lo lắng, đau thương, mất mát của người thân thích của người bị thiệt hại đối với nạn nhân. Khác với thiệt hại vật chất là những thiệt hại có thể xác định được và quy đổi ra bằng tiền thì thiệt hại về tinh thần là những thiệt hại chi phí vật chất, không thể có công thức chung để quy ra bằng tiền. Tuy nhiên, để bù đắp những đau thương, mất mát mà người bị thiệt hại hay những người thân thích của người bị thiệt hại phải gánh chịu cũng như an ủi động viên và phần nào tạo điều kiện để có thể khắc phục khó khăc trước mắt và dịu nỗi đau thương, pháp luật

quy định bên gây thiệt hại sẽ phải chịu trách nhiệm "bù đắp tổn thất về tinh thần" cho bên bị thiệt hại một khoản tiền nhất định.

Ngoài ra, đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thì chỉ đặt ra thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe chứ không bao gồm thiệt hại về danh dự nhân phẩm uy tín. Do đó, thiệt hại về tinh thần do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra chỉ gồm thiệt hại về tinh thần do sức khỏe, tính mạng bị xâm phạm chứ không bao giờ thiệt hại về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.

Theo quy định tại điểm b tiểu mục 2.4 mục 2 Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP quy định: *"trong mọi trường hợp, khi tính mạng bị xâm phạm, những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất hoặc người mà bị thiệt hại của người bị thiệt hại được bồi thường khoản tiền bù đắp về tổn thức tinh thần"* [22, tr. 7]

Nếu trong trường hợp sức khỏe bị xâm phạm, thì người bị thiệt hại được bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất tinh thần, những tổn hại về thể trạng cũng như tâm lý của người bị thiệt hại, thì trong trường hợp tính mạng bị xâm phạm những người thân thích của người bị thiệt hại là những người chịu tổn thất về tinh thần. Do đó, trong trường hợp tính mạng bị xâm phạm, những người thân thích của nạn nhân mà cụ thể là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, mẹ nuôi, cha nuôi, con đẻ, con nuôi của người bị thiệt hại. Nếu không có những người trên thì người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại sẽ được hưởng một khoản tiền để nhằm bù đắp tổn thất tinh thần trước những mất mát, đau thương mà người thân thích của người bị thiệt hại phải gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa quá 60 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

2.1.5 Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm

Khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự 2015 *"(b) Chi phí hợp lý cho việc mại táng; (c) Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng; (d) Thiệt hại khác do luật quy định".* Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tính mạng của người khác bị xâm phạm, phải bồi thường thiệt hại. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá một trăm lần mức lương cơ sở do nhà nước quy định. [3, tr. 243]

2.2. Lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

Điều kiện lỗi trong việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với nguồn nguy hiểm cao độ hiện nay có nhiều quan điểm tiếp cận khác nhau. Xuất phát từ quy định tại khoản 3 điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu rõ *"chủ sở hữu, người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi"* [3, tr. 247]

Dựa trên quy định của pháp luật, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra hoàn toàn không cần xem xét đến yếu tố lỗi. Trên nền tảng của quan điểm này có hai cách tiếp cận để áp dụng luật.

Trong Bộ luật Dân sự năm 2015 tại điều 601 chỉ nêu những đối tượng nào là nguồn nguy hiểm cao độ và hậu quả pháp lý phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các chủ thể tương ứng. Do vậy, khi áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra cần phải áp dụng đối với mọi trường hợp đối tượng tác động, dẫn đến thiệt hại là nguồn nguy hiểm cao độ. Ví dụ: Xe máy gây tai nạn, điện giật chết người, thú dữ tấn công… Theo quan điểm này, vấn đề lỗi hầu hết không được xem xét, cân nhắc khi xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Nói cách khác là vấn đề lỗi không được quan tâm đối với quan điểm xác định trách nhiệm bồi thường này. Điểm cốt yếu của quan điểm này là dựa trên thực trạng quy định của pháp luật, bao gồm cả quy định trong Bộ luật Dân sự và các quy

định trong các văn bản hướng dẫn đều chỉ xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại dựa theo sự liệt kê và nhận diện đối tượng gây thiệt hại.

Đối tượng là nguồn nguy hiểm cao độ khi gây ra thiệt hại mà có phát sinh yếu tố lỗi thì không cần xác định là loại lỗi gì, lỗi trong vấn đề nào đều không áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra theo quy định tại điều 601 Bộ luật Dân sự 2015.

Ví dụ: *Người điều khiển phương tiện giao thông gây tai nạn là có lỗi đối với thiệt hại xảy ra, hay chủ sở hữu không thực hiện việc bảo dưỡng để thiết bị cũ kỹ, hỏng hóc gây ra thiệt hại là có lỗi đối với việc quản lý, bảo ra đều không được áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra để giải quyết.*

Vấn đề lỗi được tiến cận ở góc độ là chỉ không xem xét đến lỗi của chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ. Bởi lẽ, bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao đô gây ra thuộc loại trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra nên nếu có yếu tố lỗi đối với hành vi thì không áp dụng trường hợp này.

Ví dụ: *Trường hợp người lái xe ô tô cố ý đâm chết người thì đối tượng tác động vào người bị thiệt hại là ô tô nhưng do có lỗi của người điều khiển nên được xác định áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi. Nói cách khác, thiệt hại xảy ra do hành vi điều khiển nên người điều khiển phải chịu trách nhiệm chứ không phải nguyên nhân gây thiệt hại…*

Tuy nhiên, đối với trường hợp bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra không loại trừ hoàn toàn yếu tố lỗi . Vấn đề lỗi được xác định là lỗi đối với việc bảo quản, trông giữ, bảo dưỡng, quản lý tài sản. Quan điểm này dựa trên các lập luận sau: (i) nếu chủ sở hữu hoàn toàn không có lỗi trong việc xảy ra thiệt hại thì không thể áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho họ. Trường hợp này có tính chất giống như loại thiệt hại xảy ra được coi là rủi ro đối với các trường hợp gây thiệt hại do nguyên nhân khách quan như mưa, gió, bão,

lũ…; (ii) theo quy định tại điều 601 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường *"cả khi không có lỗi"* do vậy, nếu hiểu quy định này theo cách hiểu cực đoan là *"chỉ khi không có lỗi"* mới áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra là không đúng với tinh thần của điều luật; (iii) trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với tài sản nói chung và đối với nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng xuất phát từ nền lý luận và hậu quả pháp lý áp dụng đối với chủ sở hữu tài sản khi tài sản của họ gây ra thiệt hại. Tài sản, dưới góc nhìn thực tế là vật vô tri , vô giác, không có tư duy, do đó tà sản chỉ có thể gây thiệt hại khi nó không được sự quản lý và bảo quản phù hợp. Vì thế, lỗi của chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ gây ra được xác định là lỗi đối với việc không đảm bảo sự an toàn của tài sản của mình dân đến gây thiệt hại cho người khác.

2.3. Mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động gây thiệt hại và thiệt hại xảy ra

Hoạt động gây thiệt hại của nguồn nguy hiểm cao độ là nguyên nhân tất yếu, nguyên nhân có ý nghĩa và tính quyết định dẫn đến thiệt hại và thiệt hại xảy ra là kết quả hoạt động của nguồn nguy hiểm cao độ. Khi xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại, điểm mấu chốt quan trọng đó là nguyên nhân nào gây ra. Xác định mối quan hệ nhân quả giữa sự hoạt động của nguồn nguy hiểm cao độ và thiệt hại xảy ra có ý nghĩa pháp lý quan trọng, vì nó là bằng chứng để xác định có hay không có trách nhiệm dân sự của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ. Đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng thì hành vi trái pháp luật được coi là nguyên nhân thiệt hại được coi là hậu quả. Về mặt nguyên tắc, hành vi trái pháp luật có trước thiệt hại có sau. Như vậy, để phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thì tự thân sự hoạt động của nguồn nguy hiểm cao độ là nguyên nhân trực tiếp gây thiệt hại.

Căn cứ vào nguyên nhân gây thiệt hại, theo đó nếu thiệt hại có liên quan đến nguồn nguy hiểm cao độ thì áp dụng bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra bất kể có lỗi hay không có lỗi của người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ, do đó những thiệt hại do cháy nổ, phương tiện giao thông cơ giới đang vận hành gây ra đều được áp dụng bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

Ví dụ: *A là giám đốc công ty, có thuê B làm nhân viên lái xe cho A, hết giờ làm việc theo quy định B phải cất xe vào gara ô tô, nhưng B đã tự ý lấy xe đi việc riêng rồi gây tai nạn cho C, trong trường hợp này A là người đang sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ, trước tiên A phải có trách nhiệm bồi thường cho cho C, còn việc B có trách nhiệm bồi hoàn cho A lại là việc khác. Tuy nhiên, sự việc sảy ra trên thực tế trong những trường hợp như trên rất hiếm khi B có khả năng bồi hoàn lại cho A khoản tiền mà A đã bồi thường cho C.*

Các trường hợp bồi thường thiệt hại thông thường dựa trên sự suy đoán lỗi thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra dựa trên sự suy đoán trách nhiệm đối với người có nghĩa vụ quản lý đối với nguồn nguy hiểm cao độ. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra chỉ được áp dụng khi hoạt động gây thiệt hại của nguồn nguy hiểm cao độ nằm ngoài khả năng kiểm soát, điều khiển của người chiếm hữu, điều khiển và nó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại. Trường hợp thiệt hại xảy ra do người chiếm hữu, sử dụng, điều khiển nguồn nguy hiểm cao độ có lỗi thì áp dụng bồi thường thiệt hại thông thường.

Trách nhiệm bồi thường thiệt do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra cũng có thể có lỗi một phần của người sở hữu, quản lý, sử dụng hay điều khiển nguồn nguy hiểm cao độ nhưng hành vi đó không phải là nguyên nhân chính dẫn đến thiệt hại. Như vậy, điều kiện tiên quyết của trách nhiệm này là hoạt động của nguồn nguy hiểm cao độ chính là nguyên nhân trực tiếp, là yếu tố quyết định dẫn đến thiệt hại.

2.4. Chủ thể bồi thường thiệt hại

Người gây thiệt hại có thể là bất cứ chủ thể nào: là cá nhân, pháp nhân…Nhưng chủ thể bồi thường thiệt hại phải là người có "khả năng" bồi thường thiệt hại và chính họ phải tham gia vào quan hệ nghĩa vụ, mặc dù thiệt hại xảy ra có thể không phải do hành vi trái pháp luật của họ. Để xác định chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra trong các trường hợp bồi thường thiệt hại nói chung và bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng thì cần xác định rõ họ có đủ năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại không.

Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ thể được hiểu là: khả năng chủ thể đó phải gánh chịu hậu quả bất lợi đối với mình từ thiệt hại xảy ra. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 586 Bộ luật Dân sự 2015 chỉ quy định về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân mà không quy định về năng lực bồi thường của các chủ thể khác. Điều này cho thấy, mặc nhiên các chủ thể khác gây thiệt hại (như pháp nhân, hộ gia đình…) sẽ được coi là có năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. *"(i) Người từ đủ 18 tuổi trở lên gây thiệt hại phải tự bồi thường, vì người từ đủ 18 tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng bằng chính hành vi của mình tạo ra các quyền và thực hiện nghĩa vụ; (ii) Người chưa đủ mười lăm tuổi gây thiệt hại mà còn cha, mẹ thì cha, mẹ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại. Trường hợp tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà con chưa thành niên gây thiệt hại có tài sản riêng thì lấy tài sản đó bồi thường phần còn thiếu, trừ trường hợp quy định tại Điều 599 của Bộ luật này. Người từ đủ mươi lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình, nếu tài sản của mình không đủ để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình; (iii) Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự mà có người giám hộ thì người giám hộ đó được dùng tài sản của người được giám hộ để bồi*

thường; nếu người được giám hộ chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ thì không phải lấy tài sản của mình để bồi thường." Điều 586 Bộ luật Dân sự 2015. [3, tr. 240 - 241]

Như vậy, có thể thấy quy định xác định năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của Bộ Luật Dân sự năm 2015 dựa trên năng lực hành vi dân sự, tình trạng tài sản và khả năng bồi thường của cá nhân. Tuy vậy, vấn đề đặt ra đó là quy định về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại được quy định đối với việc cá nhân có hành vi gây thiệt hại. Trong khi đó trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra là một loại trách nhiệm bồi thường do tài sản gây ra, cá nhân không bằng hành vi của mình gây ra thiệt hại mà thiệt hại là nguồn nguy hiểm cao độ thuộc sở hữu của cá nhân đó.

Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ được hiểu là người đang chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ theo pháp luật, đang bằng hành vi của mình quản lý, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ nhằm khai thác công dụng và hưởng lợi tức từ việc sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ đó. Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ đang chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Trong những trường hợp nguồn nguy hiểm cao độ được giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ theo nghĩa vụ lao động thông qua hợp đồng lao động giữa chủ sở hữu với người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ. Việc được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ nhằm mục đích thực hiện công việc thông qua nguồn nguy hiểm cao độ để đem lại lợi ích cho chủ sở hữu. Khi đó, trong quá trình hoạt động, vận hành nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thiệt hại thì chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ vẫn là chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Trường hợp người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ là theo hợp đồng nhưng thiệt hại xảy ra trong lúc người đó sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ vào mục đích cá nhân, thì người đó phải có trách nhiệm bồi thường. Trường hợp

này không phát sinh trách nhiệm bồi thường của pháp nhân và trách nhiệm bồi hoàn, hay giữa chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ và người được giao đã có thỏa thuận về việc khi thiệt hại xảy ra trách nhiệm sẽ hoàn toàn thuộc về người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ, hay trong quá trình chiếm hữu, sử dụng, quản lý nguồn nguy hiểm cao độ người được chuyển giao đã sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ với mục đích cá nhân thì khi đó trách nhiệm bồi thường thiệt hại thuộc về người được chuyển giao nguồn nguy hiểm cao độ chứ không phải chủ sở hữu.

Người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ: Trách nhiệm của người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ được xác định tương đối như trách nhiệm của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ. Trường hợp người được chuyển giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trong quá trình vận hành sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ mà nguồn nguy hiểm cao độ gây thiệt hại được hiểu trong trường hợp này nguồn nguy hiểm cao độ được giao một cách hợp pháp thông qua hợp đồng thuê, mượn…trong quá trình người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thiệt hại thì người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại trừ trường hợp giữa chủ sở hữu và người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm có thỏa thuận riêng với nhau. Trường hợp nếu người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ mà lại chuyển giao nguồn nguy hiểm cao độ đó cho người thứ ba chiếm hữu, sử dụng nếu việc chuyển giao này là hợp pháp *(bên thuê nguồn nguy hiểm cao độ cho thuê lại nguồn nguy hiểm cao độ mà được bên cho thuê đồng ý)* thì khi đó nếu có thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thì người thứ ba sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu không có thỏa thuận khác với người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ.

Người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trái pháp luật: Tại khoản 3 Điều 603 Bộ Luật Dân sự năm 2015 thì *"trường hợp súc vật bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật phải bồi thường..,"* [3, tr. 248]

Như vậy, theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trường hợp nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì trách nhiệm bồi thường được quy định:

Đối với trường hợp nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật mà do lỗi của chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ thì khi có thiệt hại do nguồn cao độ gây ra, chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu sử dụng nguồn nguy hiểm cao dộ phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cùng người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trái pháp luật. *"...Khi chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ có lỗi trong việc để nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì phải liên đới bồi thường thiệt hại"* Khoản 4 Điều 601 Bộ luật Dân sự 2015. Ví dụ: *chủ sở hữu cho xe ô tô vào gara rửa xe, không rút chìa khóa, mở cửa nổ máy xe để đó, người rửa xe lên xe lái xe vào chỗ rửa và gây tai nạn. Trong trường hợp này chủ sở hữu và người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trái pháp luật phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vì chủ sở hữu cũng có lỗi trong việc quản lý nguồn nguy hiểm cao độ của mình dẫn tới việc nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật.*[3, tr. 248]

Trường hợp chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ hoàn toàn không có lỗi trong việc để nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trái pháp luật phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Khoản 4 Điều 601 Bộ luật Dân sự 2015 *"Trường hợp nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì người đang chiếm hữu sử dụng trái pháp luật phải bồi thường thiệt hại".* [3, tr. 248]

Ví dụ: *A ăn trộm xe ô tô của B, trong khi lái xe A gây tai nạn giao thông thiệt hại cho người đi đường. Trong trường hợp này phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ đối với cá nhân A, vì A chiếm hữu sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trái pháp luật, và B không có lỗi trong việc để chiếc xe ô tô của mình bị chiếm hữu sử dụng trái pháp luật, vì vậy B không phải bồi thường thiệt hại.*

Trên thực tế, có những trường hợp nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu sử dụng trái pháp luật nhiều lần thì chủ thể nào đang chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trái pháp luật mà gây ra thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

2.5. Những trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại: Loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra được hiểu là có những trường hợp có thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra nhưng không làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ . Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại Khoản 3 Điều 601 thì: *"chủ sở hữu, người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi trừ các trường hợp: (i) thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại; (ii) thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".* Như vậy, khi thiệt hại xảy ra trong các trường hợp này thì chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ được loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại. [3, tr. 247 - 248]

Theo quy định tại điều 617 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì: *"Nếu thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại thì người gây thiệt hại không phải bồi thường".* [2, tr. 262]

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra sẽ được loại trừ trong trường hợp thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại. Lỗi cố ý của người bị thiệt hại nhận thức rõ hành vi của mình gây thiệt hại cho mình nhưng vẫn mong muốn thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, nếu thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại hoàn toàn hợp lý. Bởi vì, trong trường hợp này người bị thiệt hại hoàn toàn có khả năng nhận thức về hành vi của mình sẽ gây ra thiệt hại cho chính bản thân mình trong khi họ có đầy đủ điều kiện khác để thực hiện hành vi khác không gây thiệt hại, họ "mong muốn" có thiệt hại xảy ra với mình và để chắc chắn về thiệt hại xảy ra họ sẽ có những hành vi để thiệt hại có thể xảy ra đúng với ý của mình. Nghị quyết số 03 có đưa ra ví dụ về trường hợp này: Xe ô tô đang tham gia giao thông đúng quy định của pháp luật thì bất ngờ có người lao vào xe với mục đích tự tử và dẫn đến hậu quả người đó bị thiệt mạng. Tuy nhiên, quan điểm của tác giả về ví dụ này của Nghị Quyết là sự không phân định rõ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi và do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Trường hợp này, thiệt hại bắt nguồn từ nguyên nhân là việc điều khiển xe của người gây thiệt hại (và hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại), nhưng cũng không phải xuất phát từ "tự thân" nguồn nguy hiểm cao độ dẫn đến thiệt hại. Do đó, để đưa ra chính xác ví dụ đối với trường hợp loại trừ này có lẽ nên.

Thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 161 Bộ luật Dân sự năm 2005: *"sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép"*. Như vậy, có thể hiểu sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra ngoài ý chí chủ quan của các chủ thể lường trước được, hoặc biết trước nhưng không thể khắc phục được mặc dù đã dùng mọi biện pháp cho phép để khắc phục hậu quả do sự kiện đó gây ra. Ví dụ: *mưa bão, động đất gây cháy nổ, hỏng hóc* ...[2, tr. 77 - 78]

Tình thế cấp thiết theo quy định tại hoản 1 Điều 261 Bộ Luật Dân sự năm 2005 "là tình thế của một người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của nhà nước, của tổ chức, quyền lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn chặn". Như vậy, để một hành vị gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết thì hành vi đó phải thỏa mãn các điều kiện: (i) nguy cơ đang tồn tại thực tế, hiển nhiên và không thể chống lại được; (ii) lợi ích của nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của người đó hoặc của người khác đang bị xâm hại; (iii) để ngăn ngừa thiệt hại xảy ra, không còn cách nào khác là gây ra một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại "chắc chắn" xảy ra.

Ví dụ: *Tàu chở hàng đang vận hành trên biển thì gặp bão, nếu để nguyên lượng hàng trên tàu thì chắc chắn tàu sẽ chìm, vì vậy phải vứt bỏ bớt lượng hàng trên tàu để tránh tàu chìm…, đây chính là tình thế cấp thiết, vì thiệt hại xảy ra do vứt bỏ một lượng hàng trên tàu thì thiệt hại xảy ra ít hơn là không vứt bỏ lượng hàng đó để tàu chìm.*

Theo quy định tại điều 614 Bộ luật Dân sự năm 2005 *"người gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải bồi thường".* Thiệt hại trong trường hợp người gây thiệt hại không phải bồi thường phải thỏa mãn điều kiện đó là thiệt hại xảy ra phải nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa *(nếu vượt quá thì người gây thiệt hại vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường phần vượt quá).* Trong trường hợp này có thể hiểu thiệt hại xảy ra do lỗi của người gây ra tình thế cấp thiết, tuy người gây ra tình thế cấp thiết không trực tiếp gây ra những tổn thất cho người bị thiệt hại nhưng là người đã tạo ra các nguy cơ gây thiệt hại cho các lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác nên phải chịu trách nhiệm bồi thường vì vậy pháp luật quy định trong trường hợp này người gây ra tình thế cấp thiết sẽ phải bồi thường cho người bị thiệt hại, còn nếu, nguy cơ gây thiệt hại không phải do hành vi của con người mà do thiên nhiên gây ra như: mưa bão, động đất…, thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong tình thế cấp thiết không đặt ra và bản thân người bị thiệt hại phải gánh chịu rủi ro này.

Như vậy, có thể thấy những trường hợp loại trừ được quy định ngay trong điều 623 đó là những "dự liệu" của nhà làm luật dành riêng áp dụng cho trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Tuy nhiên, ta thấy trong trường hợp này dường như bồi thường thiệt hại do hành vi gây ra nhiều hơn là do tài sản gây ra, vì đều là những loại trừ yếu tố lỗi đối với hành vi gây thiệt hại, từ đó dẫn đến loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người đã gây thiệt hại. Trong trường hợp này điều luật cũng chưa phân định rõ được giữa nội dung về bồi thường thiệt hại do hành vi và bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra.

Kết luận chương 2

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra là trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng, phát sinh khi có sự kiện gây thiệt hại trái pháp luật. Chế định này có ý nghĩa quan trọng giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể bị xâm hại, ngoài ra nó còn có tác dụng phòng ngừa đối với chủ sở hữu, người chiếm hữu sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ, nâng cao ý thức trách nhiệm của chủ sở hữu, người quản lý tài sản có nghĩa vụ trông coi, quản lý, bảo quản, bảo dưỡng…nguồn nguy hiểm cao độ của mình, không để gây thiệt hại cho người khác, để tránh hậu quả bất lợi cho mình.

Bộ luật Dân sự mới nhất ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật khác trước đó vẫn chưa có khái niệm chung về nguồn nguy hiểm cao độ mà mới chỉ xác định đối tượng nào được coi là nguồn nguy hiểm cao độ. Khoản 1 Điều 601 Bộ luật Dân sự 2015 *"...nguồn nguy hiểm cao độ khác do pháp luật quy định"*. Điều này gây khó khăn không nhỏ cho các cấp có thẩm quyền khi giải quyết vụ việc liên quan đến bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Xác định chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường chưa cụ thể. Trách nhiệm bồi thường do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra khi chủ sở hữu là cơ quan nhà nước cũng chưa được quy định cụ thể, rõ ràng. [3 tr. 247]

Chương 3
THỰC TIỄN THI HÀNH VÀ KIẾN NGHỊ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG DO NGUỒN NGUY HIỂM CAO ĐỘ GÂY RA

3.1. Thực tiễn giải quyết của cơ quan có thẩm quyền

3.1.1 Vụ án điển hình

Vụ án đòi bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra tại Tòa án ND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Quang ngày 07/10/2005 thì vào đêm 9/7/2005 khi ông đang ngủ thì nghe hô cháy. Sau khi tất cả mọi người trong nhà thoát được ra ngoài thì phát hiện ngọn lửa từ nhà trọ Ngọc Hoàng do bà Ánh Tuyết làm chủ đã cháy lan sang nhà ông Quang. Tại thời điểm đó, gia đình ông chỉ kịp đưa hai chiếc xe máy way ra ngoài, còn lại toàn bộ tài sản, nhà cửa đã bị cháy hết không còn gì. Thiệt hại theo ông liệt kê ước tính là 245.200.000đ.

Ông Quang cho rằng nguyên nhân xảy ra việc cháy nhà và gây thiệt hại cho ông là do bà Ánh Tuyết kinh doanh nhà trọ, cho người thuê ở gây hỏa hoạn hoặc chập điện từ nhà bà Ánh Tuyết cháy sang. Nay ông Quang yêu cầu phía bà Ánh Tuyết bồi thường toàn bộ thiệt hại nêu trên và chi phí thuê nhà ở của mội gia đình ông từ tháng 7/2005 đến nay mỗi tháng là 400.000đ và chi phí mắc dây điện mới khoảng 800.000đ

Bản tự khai của bà Ánh Tuyết; đêm 09/07/2005 ngọn lửa cháy từ nhà của bà và lan sang nhà ông Nguyễn Văn Quang là có thật. Tuy nhiên, tại thời điểm đó bà không có mặt tại nhà mà đang đi ăn giỗ ở Hải Phòng, có người họ hàng trông coi và quản lý giúp. Sự việc xảy ra xong bà mới từ Hải Phòng về và bà cũng bị thiệt hại toàn bộ tài sản bà đang có.

Ông Quang yêu cầu bà Tuyết bồi thường tổng số thiệt hại là 245.200.000đ và tiền thuê nhà thì bà không đồng ý, vì theo bà việc xảy ra cháy nhà không phải do lỗi trực tiếp của bà mà do chập điện. Hơn nữa, khi cháy bà không có mặt ở nhà đồng thời hiện tại hoàn cảnh gia đình của bà hết sức khó khăn, bản thân bệnh tật kéo dài, lớn tuổi không còn sức lao động và phải nuôi một đứa con bị bệnh tâm thần suốt 15 năm nay. Vì vậy bà không có khả năng bồi thường cho ông Nguyễn Văn Quang.

Ngày 24/8/2006 Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2006/QĐST-DS, ngày 02/08/2006 giữa các đương sự là bà Ánh Tuyết (với tư cách bị đơn) và ông Nguyễn Văn Quang (nguyên đơn) vụ án "tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản".

Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định: dựa trên kết quả khám nghiệm hiện trường thì nguyên nhân cháy nhà và cháy tất cả tài sản trong nhà ông Nguyễn Văn Quang là bắt nguồn từ nhà trọ của bà Ánh Tuyết. Trong trường hợp này điện được xem là nguồn nguy hiểm cao độ theo Khoản 1 Điều 627 Bộ luật Dân sự năm 1995 (khoản 1 điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2005): *"nguồn nguy hiểm cao độ bao gồm phương tiện vận tải cơ giới, hệ thống tải điện, nhà máy công nghiệp đang hoạt động, vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ và các nguồn nguy hiểm cao độ khác do pháp luật quy định".* Mặc dù bà Ánh Tuyết không có mặt ở nhà nhưng bà đã nhờ người làm thuê trông coi, quản lý giúp cho bà, bà không giao cho người khác quản lý, sử dụng hoàn toàn, trong lúc đó hệ thống điện bị chập cháy làm phát sinh việc cháy nhà của bà Tuyết sang nhà ông Quang thì bà phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do để xảy ra. Vì vậy, ông Nguyễn Văn Quang yêu cầu bà Ánh Tuyết phải bồi thường thiệt hại cho ông là có cơ sở, tuy nhiên vì tài sản của gia đình ông Quang bị cháy hết không còn vật chứng để xem xét và định giá cũng như ông Quang không có chứng cứ gì để chứng minh khối tài sản bị thiệt hại như yêu cầu. Vì vậy, HĐXX

xem xét trên thực tế và căn cứ báo cáo tóm tắt của công an huyện Tiền Hải thì thiệt hại ước tính của ông Quang là 150.000.000đ, có thể xem đây là cơ sở để xác định thiệt hại, thế nhưng phía ông Quang kê khai tổng thiệt hại tài sản là 245.200.000đ, trong đó có khoản tiền bị cháy là 50.000.00đ nhưng khoản này không có gì để khẳng định là có thật nên không chấp nhận còn những thiệt hại khác về tài sản mà ông Quang kê khai mặc dù không có hóa đơn chứng từ nhưng có chứng kiến xác nhận của người dân hàng xóm về những tài sản mà ông đã liệt kê và hợp lí được chấp nhận. Vì thế, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của ông Quang đối với những thiệt hại còn lại là 195.200.000đ.

Tại Khoản 2 Điều 610 Bộ luật Dân sự năm 1995 *(khoản 2 điều 605 Bộ luật Dân sự năm 2005)* thì: *" người gây thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu do lỗi vô ý mà gây ra thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của mình".* Trong trường hợp này việc xảy ra cháy nhà là do lỗi của bà Ánh Tuyết để cho hệ thống điện quá cũ kĩ dẫn tới việc chập điện gây cháy nhà, tuy nhiên đây chỉ là vô ý và hoàn cảnh kinh tế của bà Tuyết hiện rất khó khăn, nợ nần, bệnh tật, tuổi cao, nuôi con bị bệnh tâm thần đồng thời so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của bà thì mức bồi thường nêu trên là quá cao. Vì vậy cần xem xét giảm mức bồi thường cho bà Tuyết 20% là phù hợp.

Từ những nhận định trên HĐXX ra Quyết Định chấp nhận một phần yêu cầu đòi bồi thường của Ông Nguyễn Văn Quang. Buộc bà Ánh Tuyết phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn Quang.

Nhận xét: Trong vụ án tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản trên, cụ thể đó là thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bà Ánh Tuyết đối với ông Nguyễn Văn Quang đó là: (i) có thiệt hại xảy ra với ước tính thiệt hại là 245.200.000 đây hoàn toàn là thiệt hại về tài sản; (ii) có nguồn nguy hiểm cao độ: Trong vụ án này hệ thống điện của nhà trọ Ngọc Hoàng thuộc sở hữu của bà Ánh Tuyết được coi là nguồn nguy hiểm cao độ gây ra theo quy định của pháp

luật và hoàn toàn do "tự thân" nguồn nguy hiểm cao độ gây ra mà không liên quan tới hành vi của con người; (iii) Có Mối quan hệ nhân quả, do chập điện dẫn đến cháy nhà. Như vậy, điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra đã thỏa mãn đầy đủ.

3.1.2 Trách nhiệm của người quản lý sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ

Thực tiễn ở Việt Nam những vụ việc nguồn nguy hiểm cao độ gây thiệt hại cho người xung quanh xảy ra rất nhiều. Ví dụ: Đêm 16/9/2014, khi đường dây điện hạ thế bị đứt và văng vào sân của xưởng sản xuất lưới do anh Nguyễn Khắc Hiền (42 tuổi) và chị Vũ Thị Nhung (33 tuổi, trú thôn Văn Lãng, xã Quang Trung) làm chủ. Hậu quả làm hại vợ chồng anh Hiền, chị Nhung bị điện giật chết trong tình trang chân tay co quắp; Vụ việc ngày 27/9/2014, bà Định Thị Tựu (SN 1963, ngụ thôn Phú Trung, xã Khánh An, huyện Yên khánh, tỉnh Ninh Bình; người bị điện đường 220 KV sà xuông ruộng lúa giật chết khi đang đi thăm đồng là những ví dụ điển hình.

Tuy nhiên, trên thực tế giải quyết các vụ việc liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra đa phần bên thiệt hại phần vì thiếu hiểu biết pháp luật không ý thức được quyền lợi của mình khi bị thiệt hại, phần vì tâm lý chung e ngại việc kiện tụng nên trong thực tiễn xét xử rất ít các vụ yêu cầu bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra mà chủ yếu với mong muốn giải quyết nhanh, tránh tình trạng *"được vạ thì má đã sưng"* người bị thiệt hại thường chấp nhận yêu cầu hỗ trợ một phần nào đó của bên gây thiệt hại đối với mình trên tâm lý *"có còn hơn không"*. Như vụ việc đường dây 220 KV đứt xuống ruộng gây tai nạn cho Đinh Thị Tựu ngày 27/9/2014 vụ việc được giải quyết khi chi nhánh điện Yên Khánh tới thăm hỏi động viên và đã hỗ trợ gia đình 30 triệu đồng để lo hậu sự cho bà Tựu hay vụ việc hỗ trợ khắc phục hậu quả vụ tai nạn. vụ tai nạn xảy ra đêm 16/9 đối với ông Nguyễn Khắc Hiền và Bà Vũ Thị Nhung, điện lực Phú Xuyên đưa ra 2 phương án : Phương án 1: hỗ trợ 1 lần chi phí nuôi 4 cháu nhỏ con đẻ của ông Hiền, bà Nhung đến năm đủ 18

tuổi (quy đổi ra tổng số tháng) với cách tính: tổng số tháng của 4 cháu tính đủ đến 18 tuổi x 1.150.000 đồng (mức lương tối thiểu); ngoài ra hỗ trợ mai táng 80 triệu đồng; hỗ trợ suy giảm tinh thần của gia đình (tối đa không quá 60 tháng tiền lương tối thiểu), khoảng 69 triệu. Hỗ trợ người chăm sóc, nuôi dưỡng 4 cháu (lấy tuổi thọ trung bình của người việt (72,8 tuổi) trừ đi số tuổi hiện tại của bố mẹ đẻ của anh Hiền chị Nhung (4 người), được bao nhiêu tháng sẽ nhân với 1.150.000 đồng. Phương án 2 chỉ khác ở chỗ phần hỗ trợ người chăm sóc nuôi dưỡng, nếu gia đình không chấp nhận cách tính của phương án 1, thì lấy tổng số tiền hỗ trợ nuôi dưỡng 4 cháu đến 1 tuổi x 20%. Như vậy, có thể thấy thực tế đây là những vụ án dân sự về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra nhưng bên bị thiệt hại nhận tiền hỗ trợ để tránh rắc rối trong việc khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại còn chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thiệt hại thì cho rằng đây là những sự việc bất khả kháng, không may nên có thiện chí "hỗ trợ" giúp đỡ gia đình. Thậm chí nhiều trường hợp sau khi vụ việc xảy ra, các đơn vị liên quan còn đùn đẩy trốn tránh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mình như vụ việc ngày 2/7/2014 tại xã Vũ Xã, huyện Kim Đồng, tỉnh Hưng Yên. Ông Trần Văn Thu đang đang đi trên đoạn đường đồng Cổ Cò (thôn Cộng Vũ , xã Vũ Xã). Do quả sứ bị vỡ, dây điện cao thế (đường điện 35KV) rơi xuống, phóng điện làm ông Thu bất tỉnh dẫn tới bỏng nặng và tử vong vào ngày 18/7/2014. Tuy nhiên, điều đáng nói đó là trong Công văn số 257/ĐKĐ-P2 trả lời đơn gửi lên điện lực huyện Kim Đồng đề nghị hỗ trợ kinh phí điều trị và bồi bổ sức khỏe cho ông Thu của gia đình anh Phú, Điện lực huyện Kim Đồng có nêu rõ: *"trong khoảng thời gian ông Trần Văn Phú bị tai nạn (theo nội dung đơn gửi điện Kim Đồng), điện lực Kim Đồng Công ty điện lực Hưng yên không ghi nhận được bất kỳ tín hiệu sự cố nào xảy ra tại lưới điện trên phạm vị, địa điểm mà ông Trần Văn Thu bị tai nạn. Mặt khác, ngày 9/7 tại buổi làm việc giữa Điện lực Kim Đồng với gia đình ông Thu, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương xã Vũ Xã, gia đình ông Phú (con trai cả ông Thu) không cung cấp đủ*

cho nghành điện lực các cơ sở về mặt pháp lý, kỹ thuật liên quan đến vụ tai nạn của ông Trần Văn Thu. Chính vì vậy, Điện lực Kim Đồng không đủ cơ sở căn cứ báo cáo cấp trên và các cở sở liên quan xem xét giải quyết yêu cầu bồi thường hay hỗ trợ đối với ông Thu".[32]

Điển hình như tháng 4 năm 2013; Vụ tai nạn thương tâm về điện tại huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; trên đường đi học về 03 cháu bé học cùng lớp là Trần Văn Ân; Nguyễn Bích Lan; Nguyễn Thị Hải Yến cùng bị điện giật chết. Nguyên nhân, do đường dây điện bị đứt rơi xuống ao, Cháu Yến đi qua rửa chân thì bị điện giật, cháu Lan và cháu Ân cùng vào cứu nên bị điện giật và cả ba cháu cùng chết. Đề cập về vấn đề bồi thường thì đại diện điện lực Đông Triều cho rằng: Vụ tai nạn trên không thuộc lỗi của điện lực Đông Triều vì Điện Lực chỉ chịu trách nhiệm từ trạm biến áp cho tới công tơ tại cột điện, từ sau công tơ cột điện thì Điện Lực không chịu trách nhiệm. Mặc dù, sự việc đã được cơ quan ngôn luận như báo chí, truyền hình lên tiếng và luật sư vào cuộc, với phân tích và viện dẫn rõ ràng, cụ thể như: Luật điện lực có quy định; khi đóng, nối, lắp…phải đạt tiêu chuẩn như chiều cao, hàng cách hàng bao nhiêu, đường dây như thế nào đảm bảo được an toàn mới được cung cấp điện, mặc dù toàn bộ quy trình trên đều không đạt tiêu chuẩn theo luật điện lực, nhưng do tâm lý e ngại kiện cáo của người dân và chuyên môn của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết còn hạn chế nên cuối cùng Điện Lực Đông Triều chỉ hỗ trợ cho mỗi gia đình có cháu trong vụ tai nạn là 30 triệu đồng.

3.1.3 Trách nhiệm bồi thường của nhà nước đối với những thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ trong tự nhiên gây ra

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, thì thú dữ gây thiệt hại làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra phải đang chịu sự quản lý của một chủ thể nhất định, nếu không có sự quản lý (ở môi trường tự nhiên, thiên nhiên hoang dã) thì trách nhiệm bồi thường không phát sinh, mặc dù tài sản này thuộc sở hữu của nhà nước. Trong thực tiễn, những năm

trở lại đây không ít trường hợp thú dữ trong tự nhiên gây ra thiệt hại như vụ việc ngày 13/3/2011 anh Trần Văn Tư và anh Hà Văn Thuật (trú thôn 2b, xã EA H'Leo, huyện EA H'keo, tỉnh Đak Lak) từ rẫy đi bộ về nhà, khi đến khu vực ráp ranh giữa huyện EA H'Leo (Đak lak) và xã IA MỎ (gia Lai) thì một con voi to lớn, có ngà bất ngờ xuất hiện cách hai anh và vừa thấy bóng người thì gầm lên và lao vào tấn công 2 anh. Anh thuật chạy vào rẫy trốn được, còn anh Tư chạy theo đường mòn nên bị con voi đuổi theo tấn công và bị giẫm chết. Theo ông Lê Trọng Trinh chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ea H'Leo cho biết: *"tình trạng voi rừng phá hoại hoa màu, lán trại của người dân đã kéo dài nhiều năm nay"*. Hay vụ việc cả đàn voi rừng gần chục con tấn công nhà dân, hoa màu tại xã Thanh Sơn, Huyện Định Quán- Đồng Nai. [36]

Như vậy, trường hợp nguồn nguy hiểm cao độ trong tự nhiên gây thiệt hại như thú dữ trong rừng tấn công gây thiệt hại cho người dân trong thời gian gần đây không phải là hiếm gặp tuy nhiên căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra trong những trường hợp này vẫn còn chưa được quy định cụ thể, pháp luật còn chưa **dự liệu** được trách nhiệm bồi thường trong các trường hợp này thuộc về chủ thể nào phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường. Theo quan điểm của tác giả, đối với trường hợp này thì về nguyên tắc chung vẫn xác định ai là chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu, sử dụng tài sản gây thiệt hại thì phải có nghĩa vụ bồi thường, mặc dù thú dữ trong tự nhiên thuộc sở hữu của nhà nước, tuy nhiên nhà nước đã giao quyền quản lý và khai thác tài sản cho các cơ quan của nhà nước mà cụ thể đó là cơ quan kiểm lâm, chi cục kiểm lâm tại các tỉnh, thành phố trực tiếp quản lý lâm sản trên địa bàn *(căn cứ vào nghị định 32/2006/NĐ-CP của chính phủ ngày 30/03/2006, Quyết Định 22.2008/QĐ-BNN của Bộ Nông Nghiệp và phát triển nông thôn quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan kiểm lâm).* Những cơ quan này sẽ phải bồi thường với tư cách là trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nhà nước, nhưng trên thực tế thì trong các văn bản pháp luật có liên

quan đều không có quy định cụ thể về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cơ quan, tổ chức quản lý động vật hoang dã khi các đơn vị có lỗi để động vật hoang dã đã gây thiệt hại. Đây được xem là một bất cập trong các quy định của luật,

3.1.4. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan tiến hành tố tụng

Trình độ chuyên môn của thẩm phán, kiểm sát…khi xét xử những vụ việc về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra còn yếu kém trong công tác xét xử chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong lĩnh vực xét sự dân sự nói chung và trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng. Không thể phủ nhận trong những năm qua, nghành Tòa án cũng như kiểm sát luôn chú trọng vào công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tuy nhiên do sự không đồng đều trong trình độ chuyên môn cũng như sự phức tạp trong việc giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra dẫn đến kết quả xét xử, giải quyết các vụ việc liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra chưa cao.

3.2. Một số hạn chế của pháp luật về chế định bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

3.2.1 Điều kiện về kinh tế xã hội

Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế xã hội thì kéo theo đó những tranh chấp về bồi thường thiệt hại nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng đang ngày càng gia tăng về số lượng và phức tạp về tính chất. Nguyên nhân chính đó là trước kia, trong thời kỳ tập trung, bao cấp nền kinh tế kém phát triển dẫn đến sự phát triển của khoa học kỹ thuật cũng như đời sống vật chất của nhân dân còn lạc hậu, nghèo nàn, cuộc sống khi đó hướng tới tiêu chí "ăn no, mặc ấm" những đồ vật được coi là nguồn nguy hiểm cao độ không nhiều, đa phần khi đó nguồn nguy hiểm cao độ chủ yếu thuộc về nhà nước (như xe máy, ô tô, vũ khí…) và số lượng cũng hạn chế. Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, trước bối cảnh mở cửa nền kinh tế, hội nhập

thị trường quốc tế nước ta đã có những bước phát triển đáng kể về cả kinh tế, xã hội mà đặc biệt đó là đời sống của người dân được nâng cao. Việc cá nhân sở hữu ô tô, xe máy không còn là tình trạng hiếm gặp như trước mà giờ đa phần người dân từ thành thị cho đến nông thôn đều sở hữu cho mình không ít thì nhiều trong nhà một chiếc xe máy, thậm chí ô tô. Bên cạnh đó, trình độ phát triển về khoa học kỹ thuật cũng không ngừng gia tăng, không chỉ cơ quan, tổ chứ nhà nước sở hữu các chất hóa học được coi là nguồn nguy hiểm cao độ để phục vụ công tác phát triển, ứng dụng mà ngay cả các doanh nghiệp cũng sở hữu. Vì thế, ngoài mặt tích cực là sự phát triển mạnh mẽ và không ngừng về điều kiện kinh tế, xã hội và khoa học kỹ thuật cũng như đời sống của người dân ngày càng cải thiện thì kéo theo đó là sự gia tăng về các vụ tai nạn do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Đây có thể được coi là nguyên nhân tuy nhiên cũng tạo điều kiện để cho các nhà làm luật thấy được những hạn chế còn tồn tại trong các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng.

3.2.2 Quy định của pháp luật còn bất cập và thiếu sót

Sau một thời gian dài áp dụng và thực hiện các quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đồng nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng đã nảy sinh nhiều bất cập dẫn đến những tồn tại vướng mắc trong thực tiễn áp dụng cũng như công tác xét xử còn nhiều bất cập.

3.2.3 Chưa đưa ra được tiêu chí cụ thể để xác định đâu là nguồn nguy hiểm cao độ

Mặc dù nhà nước ta đã rất chú trọng trong việc xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới nội dung này,Tuy nhiên, trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta từ trước cho đến nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định một cách cụ thể mà mới chỉ xác định đâu

là nguồn nguy hiểm cao độ dưới dạng liệt kê. Vì thế việc xác định đâu là nguồn nguy hiểm cao độ không phải dễ. ngay trong chính quy định tại điều 623 Bộ luật Dân sự hiện hành quy định về nguồn nguy hiểm cao độ dưới dạng liệt kê cũng còn gây ra sự nhầm lẫn khi phân biệt giữa thú dữ với súc vật để áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra hay trách nhiệm bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra.

3.2.4 Mâu thuẫn giữa quy định chung của trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng

Hiện tại, pháp luật dân sự hiện hành mới chỉ quy định về bốn điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mà chưa phân định cụ thể để khi nào áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra nói chung và nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng và khi nào áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của con người. Chính vì điều này, dẫn đến sự không thống nhất trong việc áp dụng các quy định của pháp luật của cơ quan xét xử dẫn đến nhiều trường hợp nhầm lẫn giữa trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra với trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra và ngược lại.

Hay như quy định trong phần chung của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân tại Điều 606 Bộ luật Dân sự năm 2005, về nguyên tắc thì những quy định chung của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng sẽ áp dụng cho các trường hợp cụ thể của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài như trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra hay bồi thường thiệt hại do người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây ra. Tuy nhiên những quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do "hành vi" của con người gây ra mà không đề cập tới nội dung "tài sản" gây ra thiệt hại. Cũng liên quan đến sự chưa hợp lý trong quy định giữa phần chung của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với một số trường hợp cụ thể đó là trách nhiệm bồi

thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Theo quy định tại khoản 2 Điều 605 Bộ luật Dân sự 2005 *"người gây thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu do lỗi vô ý mà gây thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của mình"* tức là quy định nguyên tắc chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật chứ không quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra mà thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra được xác định là thiệt hại do tài sản gây ra.

3.2.5 Xác định trách nhiệm bồi thường của các cơ quan quản lý tài sản thuộc quyền sở hữu của nhà nước

Trong thời gian gần đây rất nhiều vụ việc nguồn nguy hiểm cao độ thuộc quyền sở hữu của nhà nước gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe cũng như tính mạng của người dân như tình trạng hệ thống tải điện dò điện dẫn tới điện giật gây ra chết người hay thú dữ trong tự nhiên tàn phá hoa màu, tài sản của nhân dân, tấn công người dân… Tuy nhiên, pháp luật hiện hành vẫn chưa dự liệu được trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp trên. Chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định một cách cụ thể trong những trường hợp nguồn nguy hiểm cao độ thuộc sở hữu của nhà nước gây ra thiệt hại thì ai phải bồi thường.

3.3. Kiến nghị phương hướng hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

3.3.1 Hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan tới trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

Cần đưa ra khái niệm cụ thể để xác định nguồn nguy hiểm cao độ là gì, tránh tình trạng quy định nguồn nguy hiểm cao độ dưới dạng liệt kê như hiện nay sẽ gây khó khăn cho công tác nghiên cứu cũng như áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra trong thực tiễn xét xử. Cần xác định tiêu chí chung như thế nào được coi là nguồn nguy hiểm cao độ bởi trên thực tế có những sự vật chưa được pháp luật quy định nhưng lại mang lại

đầy đủ tính chất giống với những đối tượng được coi là nguồn nguy hiểm cao độ theo quy định của pháp luật hiện hành như: Ong độc (theo số liệu của các bệnh viện lớn trong nước hàng năm như bệnh viện nhi đồng 1 (TP Hồ Chí Minh) mỗi năm có khoảng 60 ca, trung tâm chống độc – Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội mỗi năm cũng có khoảng 70 trường hợp bị ong đốt phải nhập viện với tổn hại nghiêm trọng về sức khỏe [39], rắn độc… Tuy vậy, để đưa ra được khái niệm bao quát, xác định được những đặc điểm chung nhất của nguồn nguy hiểm cao độ, có thể đối chiếu nhằm xác định đâu là nguồn nguy hiểm cao độ không hề dễ dàng như quan điểm TS. Vũ Thị Hải Yến *"khi xem xét sự vật gây thiệt hại có phải là nguồn nguy hiểm cao độ hay không, cần căn cứ vào tính chất của sự vật đó như: mức độ nguy hiểm, khả năng của con người đối với sự vật, quy định của pháp luật liên quan đến sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ..."*[31, tr.28, tr 121]

3.3.2 Quy định cụ thể điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra

Cho đến nay, pháp luật dân sự mới chỉ quy định có bốn điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mà chưa phân định cụ thể là khi nào áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra và khi nào thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra nói chung và nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng.

Trong thực tiễn xét xử rất nhiều trường hợp Hội đồng xét xử còn nhầm lẫn trong việc xác định giữa trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra với trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của con người. Vì vậy, khi áp dụng bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra cần thiết phải thỏa mãn hai dấu hiệu sau:

Thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ phải do bản thân nguồn nguy hiểm cao độ gây ra hoặc do hoạt động nội tại của nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, thiệt hại xảy ra không phải do hành vi của con người tác động vào nguồn nguy hiểm cao độ làm nguồn nguy hiểm cao độ gây hại.

Những sự vật được coi là nguồn nguy hiểm cao độ khi gây thiệt hại phải đang trong trạng thái hoạt động, vận hành.

Hiện nay, pháp luật Dân sự Việt Nam quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được quy định trong phần chung và được áp dụng cho tất cả các trường hợp bồi thường thiệt hại cụ thể nhưng các quy định này chủ yếu chú trọng tới việc điều chỉnh đối với vấn đề bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra, *(như quy định về nguyên tắc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân)*. Do đó, cần phải bổ sung thêm những quy định để điều chỉnh những trường hợp bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra, bao gồm cả trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

3.3.3 Bổ sung thêm những quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho các trường hợp bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra bên cạnh những quy định của pháp luật Dân sự đang có (Điều 584; Đ585; Đ586; Đ587 Bộ luật Dân sự 2015)

3.3.4 Định nghĩa lại về nguồn nguy hiểm cao độ

Không nên định nghĩa khái niệm nguồn nguy hiểm cao độ theo hướng liệt kê như hiện nay tại khoản 1 Điều 601 Bộ luật Dân sự 2015, vì như vậy sẽ không đầy đủ và thống nhất với các quy định của văn bản khác, nên xác định tiêu chí chung được coi là nguồn nguy hiểm cao độ

3.3.5 Xác định rõ, cụ thể quy định về bồi thường thiệt hại

Cần xác định rõ, cụ thể về bồi thường thiệt hại và điều chỉnh chung cả trách nhiệm bồi thường do hành vi của con người và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản, sau đó phân tích, bóc tách rõ ràng giữa trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra với trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra. Với mỗi nội dung cần triển khai theo phương hướng xây dựng các quy định chung của mỗi nội dung và các trường hợp bồi thường thiệt hại cụ thể. Có như vậy, các quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

mới có thể được áp dụng một cách chính xác khi giải quyết các tranh chấp liên quan đến bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

3.3.6 Quy định cụ thể nội dung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Quy định cụ thể về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng. Bởi theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành một số quy định chung trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được quy định đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với hành vi của con người gây ra chứ không bao gồm cả trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra.

3.3.7 Bổ sung quy định về trách nhiệm bồi thường của nhà nước đối với thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ trong tự nhiên

Cần thiết bổ sung quy định về trách nhiệm bồi thường của nhà nước đối với thiệt hại do nguồn nguy hiểm trong tự nhiện gây ra. Quy định cụ thể về quyền hạn, nhiệm vụ trong công tác quản lý, sử dụng cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cơ quan, tổ chức nhà nước đã được giao quyền quản lý, khai thác, sử dụng tài sản như cơ quan kiểm lâm…qua đó nâng cao được ý thức trong việc quản lý, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trong tự nhiên cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ trong tự nhiên gây ra. Hiện nay, Luật trách nhiệm bồi nhà nước đã qua một thời gian dài áp dụng thực tế, tuy nhiên phạm vi điều chỉnh lại không điều chỉnh trách nhiệm của nhà nước khi tài sản của nhà nước bị thiệt hại mà chỉ quy định "trách nhiệm bồi thường của nhà nước đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng, thi hành án, thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại" Ngoài ra các cá nhân, tổ chức được nhà nước giao quản lý, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thiệt hại và thay vì phát sinh trách nhiệm bồi thường người bị thiệt hại lại chỉ được hỗ trợ phần nào đã làm

cho các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây không đạt hiệu quả cao trong thực tiễn thi hành.

3.3.8 Quy định rõ về trách nhiệm liên đới bồi thường

Pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành mới quy trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người được chủ sở sở hữu chuyển giao nguồn nguy hiểm cao độ thông qua các giao dịch dân sự như: thuê, mượn, cầm cố thế chấp nhưng chưa dự liệu các trường hợp như chủ sở hữu giao kết mua và bán nhưng người mua mặc dù chưa hoàn tất thủ tục sang tên nhưng khi sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ và gây thiệt hại cho người xung quanh thì trách nhiệm thuộc về bên mua hay bên bán, hay cả hai bên liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vẫn chưa được quy định.

3.3.9 Quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra của người thứ ba

Tại Điều 601 Bộ luật Dân sự 2015 mới chỉ đề ra trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ sở hữu, người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ còn chưa dự liệu được người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ lại giao lại nguồn nguy hiểm cao độ cho một chủ thể thứ ba khác. Do đó, theo quan điểm của tác giả cần thiết thêm vào khoản 2, Điều 601 Bộ luật Dân sự 2015 "Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ; hoặc người không phải là chủ sở hữu đang chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thỏa thuận khác"

3.4. Một số kiến nghị liên quan đến thi hành

Một là: Cần thiết phải nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, của Hội đồng xét xử như thẩm phán hay cơ quan thực thi quyền công tố như Viện kiểm sát hay kiểm sát viên nói riêng. Ngành Tòa án và kiểm sát có những chính sách và quy định cụ thể để bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên

hiện có về cả số và chất lượng. Bên cạnh đó cần đẩy mạnh và làm tốt công tác tổ chức cán bộ đảm bảo chất lượng đầu vào, xây dựng các tiêu chí, cơ chế tuyển chọn cán bộ nói chung và đội ngũ thẩm phán, kiểm sát nói riêng một cách khoa học, rõ ràng tránh tình trạng gian lận, chạy chức, chạy quyền. Thường xuyên tập huấn nghiệp vụ, kiểm tra trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ ngành Tòa án. Mặt khác, chú trọng tới công tác đào tạo sinh viên tại các cơ sở đào tạo trong nước cũng như nước ngoài, đặc biệt là các sở đào tạo luật lớn trong nước như trường đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật trong Đại Học Quốc Gia… thông qua các biện pháp cải cách nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của cơ sở trên, không chỉ nâng cao kiến thức trong nghiên cứu mà cần tạo điều kiện cho sinh viên luật tiếp cận với thực tiễn các vụ xét xử của Tòa án ngay khi còn đang là sinh viên trên giảng đường.

Thứ hai: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật nói chung và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng để mỗi cá nhân hiểu được quyền lợi cũng như nghĩa vụ của mình trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Chú trọng công tác tuyên truyền ngay tại cấp cơ sở như truyền thông, các phiên tòa lưu động để người dân nhận thức rõ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm phạm tránh tình trạng vì thiếu hiểu biết và ngại kiện tụng mà phải gánh chịu rủi ro. Đặc biệt, trung tâm trợ giúp pháp lý của sở tư pháp mỗi địa phương cần đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền pháp luật tại cơ sở nhất là vùng sâu vùng xa nơi mà trình độ dân trí còn thấp. Bên cạnh đó khuyến khích, ủng hộ sinh viên các trường chuyên ngành luật trong nước tích cực tổ chức các hoạt động tự nguyện về tuyên truyền pháp luật tới người dân thông qua truyền thông, truyền hình, báo, đài...

Kết luận chương 3

Trong thực tiễn giải quyết tranh chấp phát sinh của chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra từ trước

đến nay gặp rất nhiều vướng mắc và bất cập. Việc xác định hành vi gây thiệt hại không hề đơn giản, trong thực tiễn nhiều trường hợp khi thiệt hại xảy ra không quy kết được trách nhiệm cho chủ thể nào. Trong nhiều trường hợp người bị thiệt hại không đòi quyền lợi vì không biết đòi như thế nào, hoặc đòi cũng gặp nhiều thủ tục phức tạp và mất nhiều thời gian, hoặc khi có quyết định của Tòa án về quyền lợi của mình thì gặp bất cập trong khâu thi hành án, vì vậy tạo tâm lý mong muốn tự thỏa thuận mà không muốn nhờ đến cơ quan có thẩm quyền can thiệp.

KẾT LUẬN

Từ những phân tích và nhận định trên, thì chế định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra tuy chỉ là một trong những trường hợp của trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra và là một trường hợp cụ thể của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nhưng với tính chất phức tạp, nhiều hạn chế và vướng mắc bất cập ngay tại các quy định của pháp luật hiện hành, những quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra còn rất nhiều vấn đề tranh luận và cần khắc phục.

Mặc dù trong luận văn này với đề tài "Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra theo pháp luật Việt Nam" chưa thể được coi là hoàn thiện, tuy nhiên tác giả đã dồn hết tâm huyết để khái quát một cách trọn vẹn nhất các quy định của pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ nói riêng. Ngoài việc phân tích, nhận định về những vướng mắc, những bất cập của các quy định pháp luật về luật nội dung còn cả những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn khi các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng pháp luật để giải quyết hay xét xử trong từng vụ, việc cụ thể. Qua đó tác giả đưa ra được những phân tích để kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật làm tiền đề giải quyết các vụ, các việc trong thực tiễn.

Cách tiếp cận đề tài của luận văn bám sát với các quy định của pháp luật và bám sát với thực tiễn áp dụng pháp luật của đề tài nghiên cứu một cách tổng hợp, so sánh và phân tích các vụ việc sảy ra trong thực tế, qua đó theo tác giả đề tài khá hoàn thiện vì đã bao quát được cả về mặt lý luận và thực tiễn, luận văn hệ thống được toàn bộ nội dung về lý luận liên quan tới các quy định cụ thể về "Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ

gây ra'' và công tác xét xử của các vụ, việc trong thực tiễn và làm rõ những bất cập, những hạn chế về luật nội dung dẫn đến còn nhiều bất cập trong thực tiễn giải quyết.

Mặc dù đã rất cố gắng trong công việc nghiên cứu đề tài, với những kiến thức đã học được trong giảng đường về luật nội dung và những kinh nghiệm về thực tiễn sau nhiều năm làm nghề luật sư cùng với sự hướng dẫn vô cùng chu đáo, tận tình, nhiều trách nhiệm của giảng viên hướng dẫn, Tuy vậy, luận văn vẫn còn nhiều hạn chế và khiếm khuyết, bởi đề tài "Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra theo pháp luật Việt Nam" là đề tài khó, cần phải có rất nhiều thời gian, nhiều tâm huyết, nhiều trí tuệ hơn nữa và cần rất nhiều sự giúp đỡ, chỉ bảo của các thầy cô đi trước thì đề tài mới dần hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự năm 1995;
2. Bộ luật Dân sự năm 2005;
3. Bộ luật Dân sự 2015;
4. Bộ luật Gia Long;
5. Bộ luật Hồng Đức;
6. Công văn số 16/1999/KHXX của hội đồng xét xử ra ngày 01/02/1999 về một số vấn đề về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng
7. PGS.TS Đỗ Văn Đại. "bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam, bản án bình luận". NXB chính trị quốc gia. Hà Nội, 2010.
8. Hoàng Đạo và Vũ Thị Lan Hương, "Yếu tố lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra" tạp chí nghiên cứu lập pháp số 13/2013
9. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam 2013;
10. PGS. TS Trần Thị Huệ (chủ biên) Chuyên đề "Những bất cập trong quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây thiệt hại và hướng hoàn thiện" Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường – Trường Đại học Luật Hà Nội;
11. Dương Thanh Huyền – Trường Đại học Luật Hà Nội. "Các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra". Khóa luận tốt nghiệp. Giáo viên hướng dẫn TS. Lê Đình Nghị - Hà Nội 2012.
12. Luật đường sắt năm 2005;
13. Luật giao thông đường bộ năm 2008;
14. Luật giao thông đường thủy năm 2014;
15. Luật hàng hải năm 2005;
16. Luật hóa chất năm 2007;
17. Luật trách nhiệm bồi thường năm 2010;

18. TS. Lê Đình Nghị "Bàn về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra" tạp chí nghề luật số 6/2008

19. TS. Lê Đình Nghị (chủ biên). Giáo trình luật Dân sự Việt Nam (tập 2). NXB Giáo dục Việt Nam. Hà Nội – 2009

20. Lê Phước Ngưỡng "Tìm hiểu về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra", Tạp chí kiểm sát số 7/2005

21. Nghị Quyết số 01/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

22. Nghị Quyết số 03/2006/NQ-HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoaì hợp đồng.

23. Nghị quyết số 157 – CP ngày 11 tháng 12 năm 1964 về việc quản lý vũ khí quân dụng và vũ khí thể thao quốc phòng (được bổ sung một số điều tại nghị định 94 – HĐBT năm 1984)

24. TS. Nguyễn Minh Tuấn (chủ biên). "bình luận khoa học Bộ luật dân sự của nước CHXHCN Việt Nam" NXB Tư Pháp. Hà Nội, 2014

25. Thông tư số 173/1972/UBTP ngày 23/3/1972 của Tòa án tối cao hướng dẫn xét xử về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

26. Thông tư số 03/1983/TATC hướng dẫn một số vấn đề về bồi thường thiệt hại trong tai nạn ô tô

27. Trường Đại học luật Hà Nội - Chủ nhiệm đề tài: TS Trần Thị Huệ, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, "Trách nhiệm dân sự do tài sản gây thiệt hại – vấn đề lý luận và thực tiễn" năm 2009;

28. Trường Đại học Luật Hà Nội – luận văn Thạc sỹ của Trần Trà Giang với đề tài "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra" Giáo viên hướng dẫn PGS. TS Phùng Trung Tập. Hà Nội. 2011.

29. Trường Đại học Luật Hà Nội – Khóa luận tốt nghiệp của Nguyễn Thị Trang với đề tài "Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra" Giáo viên hướng dẫn TS. Nguyễn Minh Tuấn. Hà Nội 2011.

30. Trường đại học Luật Hà Nội. Giáo trình Luật dân sự Việt Nam (tập 2). NXB công an nhân dân. Hà Nội. 2009;

31. TS. Vũ Thị Hải Yến với Chuyên đề "Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra" đề tài nghiên cứu cấp trường Đại học luật Hà Nội; "Trách nhiệm Dân sự do tài sản gây thiệt hại – vấn đề lý luận và thực tiễn". Năm 2009 do PGS. TS Trần Thị Huệ chủ nhiệm đề tài.

32. http://www.doisongphapluat.com/xa-hoi/day-dien-dut-chet-hai-vo-chong

33. http://vov.vn/doisong/duong-day-220-kv-dut-xuong-ruong-lua-1-nguoi-bi-dien-giat-chet

34. http://dan tri.com.vn/xahoi/day-dien-chung-xuong-ruong-mot-nong-dan-bi-giat-tu-vong-904255.vov

35. http://www.congan.com.vn/vie/news_printpreview.php?catid=702&id=262016

36. http://baodanviet.vn/ca-dan-voi-rung-tan-cong-nha-dan-01940456.html

37. http://www.tinmoi.vn/khoa-hoc/ong-doc-dot-nguoi-chet-nhu-choi-2242306